# VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1305/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2017* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2016**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2016 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức quản lý hoạt động sử dụng năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

b) Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương tổ chức cập nhật và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở trọng điểm để công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan tại địa phương thông báo cho các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn trong danh sách tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và tổ chức quản lý, theo dõi thực hiện các chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các cơ sở;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn; tổng hợp gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

3. Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước:

a) Yêu cầu các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm là thành viên thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình trong Danh sách tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thực hiện các nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở đặt trụ sở, đồng thời báo cáo Tập đoàn, Tổng công ty để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương;

b) Tổ chức rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình; tổng hợp gửi Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

4. Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong Danh sách tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, người đứng đầu Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước và các cơ sở có tên trong Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Trịnh Đình Dũng**

# Phụ lục

## DANH SÁCH CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM NĂM 2016

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 03 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG** | | | | | | |
| **1. Thành phố Hà Nội** | | | | | | |
| 1 | HTX NN Bình Yên | Xã Bình Yên, Thạch Thất | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.291** | EVN |
| 2 | HTX sản xuất dịch vụ tổng hợp Vinh Tuy | Tổ 4, cụm 2, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.567** | EVN |
| 3 | HTX dịch vụ tổng hợp Ninh Hiệp | Xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm (TBA Ninh Hiệp 4) | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **2.537** | EVN |
| 4 | HTX DVSX nông nghiệp Thôn Triều Khúc | Thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, Thanh Trì | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **2.467** | EVN |
| 5 | HTX kinh doanh dịch vụ tổng hợp Yên Xá | Thôn Yên Xá , xã Tân Triều, huyện Thanh Trì | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.004** | EVN |
| 6 | HTX NN Nguyễn Trãi | Thôn Lộc Dư | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.025** | EVN |
| 7 | HTX NN Tân Minh | Thôn Triều Đông 2 | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.067** | EVN |
| 8 | HTX nông nghiệp Liên Phương | Trạm 320 | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.088** | EVN |
| 9 | HTX NN Đan Phượng | Trạm Thôn Đoài, xã Đan Phượng | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.169** | EVN |
| 10 | HTX dịch vụ NN KD thương mại tổng hợp Dương Liễu | Xã Dương Liễu, Hoài Đức | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **3.040** | EVN |
| 11 | HTX NN Tân Lập | Xã Tân Lập, Đan Phượng | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.044** | EVN |
| 12 | HTX NN Yên Sở | Thôn 5, xã Yên Sở, Hoài Đức | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.052** | EVN |
| 13 | HTXNN Hương Sơn | Thôn Đục Khê I | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.205** | EVN |
| 14 | HTX NN Sen Chiểu | Xã Sen Chiểu, huyện Phúc Thọ | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.142** | EVN |
| 15 | HTX NN Võng Xuyên | Xã Võng Xuyên | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.197** | EVN |
| 16 | HTX NN xã Bích Hòa | Xã Bích Hòa, xóm Trại Bèo | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.650** | EVN |
| 17 | Hộ Kinh doanh Phạm Thị Bích Hiền | Thôn Lý Nhân, Dục Tú | Công nghiệp | SX các sản phẩm từ kim loại | **3.326** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Công ty CP dịch vụ Đô thị Him Lam | Khu công viên CNTT Phúc Đồng, phường Long Biên, quận Long Biên | Công nghiệp | Xây dựng | **4.281** | EVN |
| 19 | Học viện cảnh sát nhân dân | Phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm | Công trình xây dựng | Cơ quan Đảng, nhà nước | **539** | EVN |
| 20 | HTX Thống Nhất | Tổ dân phố Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm | Nông nghiệp | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp | **2.142** | EVN |
| 21 | Công ty TNHH đồ chơi Cheewah - Việt Nam | Khu CN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **737** | EVN |
| 22 | CPV-NM chế biến sản phẩm thịt Hà Nội | Lô CN-B3, khu CN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **972** | EVN |
| 23 | Công ty TNHH nhà máy bia HEINEKEN Hà Nội | Km15 + 500, đường 427, xã Vân Tảo, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống | **1.405** | EVN |
| 24 | Công ty TNHH TM & DV Phùng Nghinh | Thôn Đoàn Kết, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây | Công trình xây dựng | Trụ sở làm việc | **1.073** | EVN |
| 25 | Đài Phát Thanh Việt Nam I | 45 Bà Triệu, Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Phát thanh truyền hình, thông tin | **524** | EVN |
| 26 | Công ty CP môi trường đô thị Hà Đông | Số 121 đường Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Trụ sở làm việc | **786** | EVN |
| 27 | Công ty CP đầu tư Hải Phát | Tầng 5, Tòa nhà CT3, The Pride, Khu ĐTM An Hưng, phường La Khê, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Trụ sở làm việc | **707** | EVN |
| 28 | Công ty CP tập đoàn Đầu tư Việt Nam | Số 191 Phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Trụ sở làm việc | **501** | EVN |
| 29 | Bệnh viện đa khoa Đức Giang | Số 54 Phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Cơ sở y tế | **560** | EVN |
| 30 | Công ty TNHH MTV xây lắp kinh doanh Điện | Số 200/8 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Trụ sở làm việc | **2.115** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | Công ty CP hóa dầu Quân Đội | Số 2 phố Long Biên II, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **621** | EVN |
| 32 | Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông | Tòa nhà VNPT, Số 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **2.068** | EVN |
| 33 | Công ty TNHH Hòa Bình | Số 84 Đội Cấn, Ba Đình | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **548** | EVN |
| 34 | Công ty TNHH khu công nghiệp Thăng Long | Khu Công Nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh | Công trình xây dựng | Trụ sở làm việc | **1.173** | EVN |
| 35 | Bệnh viện K - Bộ Y tế | 30 đường Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì | Công trình xây dựng | Cơ sở y tế | **755** | EVN |
| 36 | Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera - CN Tổng Công ty Viglacera | Tầng 12 tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **527** | EVN |
| 37 | Công ty CP Đầu tư Mai Linh | K1 khu nhà mẫu Keangnam, đường Mễ Trì, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **1.566** | EVN |
| 38 | Tổng Công ty hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV | 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **507** | EVN |
| 39 | Công ty CP đầu tư phát triển bất động sản TNR HOLDINGS Việt Nam | 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **590** | EVN |
| 40 | Công ty CP Vincom Retail | 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **1.448** | EVN |
| 41 | Bệnh viện Phụ sản Hà Nội | Đường La Thành, Giảng Võ | Công trình xây dựng | Cơ sở y tế | **597** | EVN |
| 42 | Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc | 72A đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **9.401** | EVN |
| 43 | Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc | 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **3.995** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 44 | Gạch Thạch Bàn | Thạch Bàn, Gia Lâm | Công nghiệp | SX công nghiệp | **1.799** | PVN |
| 45 | Gạch Hồng Hà | Phường Mai Đình, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | SX công nghiệp | **3.099** | PVN |
| 46 | Ban Quản lý dự án Nhiệt Điện 1 | Số 30, KBT Số 4, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai | Công nghiệp | Sản xuất điện | **1.955** | PVN |
| 47 | Công ty CP đầu tư, thương mại và dịch vụ - VINACOMIN | Số 01, Phan Đình Giót, Thanh Xuân | Công nghiệp | Khai thác quặng | **1.599** | PVN |
| 48 | Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV | 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | SX công nghiệp | **1.544** | PVN + EVN |
| 49 | CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp đầu máy Yên Viên | Thôn Lã Côi, xã Yên Viên, Gia Lâm | Vận tải | Khai thác vận tải | **1.189** | PVN |
| 50 | Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP | Số 1 Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Khai thác than | **2.275** | PVN |
| 51 | TCT thăm dò KT Dầu khí - Công ty Dầu khí Sông Hồng | Tầng 6, tòa nhà AC, ngõ 78 Duy Tân, Cầu Giấy | Công nghiệp | SX công nghiệp | **4.181** | PVN |
| 52 | Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí | Tầng 26, tòa nhà Charm Vit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy | Vận tải | Vận tải | **1.488** | PVN |
| 53 | Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Du lịch Bình Minh | Số 299, Thanh Vị, Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây | Công nghiệp | SX các sản phẩm phi kim loại | **12.278** | EVN |
| 54 | Công ty CP tập đoàn FLC | T5, Tòa nhà FLC Land mark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Khách sạn | **1.910** | EVN |
| 55 | Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội | Số 183 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình | Công nghiệp | Sản xuất bia | **1.368** | EVN |
| 56 | Công ty TNHH ABB | Km 9, Quốc Lộ 1A, Hoàng Liệt, Hoàng Mai | Công nghiệp | Sản xuất máy biến áp | **1.141** | SCT |
| 57 | Công ty CP Viglacera Từ Liêm | Xã Xuân Phương, Nam Từ Liêm | Công nghiệp | Gạch ngói các loại | **4.710** | SCT |
| 58 | Chi nhánh Công ty CP bột giặt NET Hà Nội | Km1 đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, Thanh Trì | Công nghiệp | Bột giặt ô mô | **1.737** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 59 | Công ty CP Đại La | Km01, đường 70 Văn Điển, Hà Đông, xã Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì | Công nghiệp | Gạch xây | **2.834** | SCT |
| 60 | Công ty TNHH Lixil Inax Việt Nam | Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **5.021** | SCT |
| 61 | Nhà máy sản xuất bao bì và bạt nhựa Tú Phương | Thôn Phú Thụy, xã Phú Thụy, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Bạt nhựa, phụ gia | **1.826** | SCT |
| 62 | Công ty TNHH Panasonics System Networks Việt Nam | Lô J1/J2 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Điện thoại, thiết bị thanh toán đầu cuối | **2.471** | SCT |
| 63 | Công ty TNHH điện tử MEIKO Thăng Long | Lô J1-J2, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **8.041** | SCT |
| 64 | Công ty TNHH Toto Việt Nam | Lô F1, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **11.490** | SCT |
| 65 | Công ty TNHH Fujikin Việt Nam | Lô H2-B, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Thân van, cút nối | **324.783** | SCT |
| 66 | Công ty TNHH Panasonic Industrial Devies Viet Nam | Lô J1-J2 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Các phụ kiện cho điện thoại, tivi… | **1.717** | SCT |
| 67 | Công ty TNHH Sumitomo Heavy Industries Việt Nam | Lô I7,I8,I9,M2,M3 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất động cơ | **1.561** | EVN |
| 68 | Công ty CP dịch vụ và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Đông Anh | Dốc Nội, Việt Hùng, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Các sản phẩm vật liệu xây dựng | **1.327** | SCT |
| 69 | Công ty CP Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sản xuất thép Hùng Anh | Xã Tiên Dương, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Thép các loại | **1.565** | SCT |
| 70 | Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) | Lô 69B và 70A KCN Nội Bài, Mai Đình, Sóc Sơn | Công nghiệp | Ống thấu kính quang học | **1.670** | SCT |
| 71 | Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông | Số 2A phố Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | **1.382** | EVN |
| 72 | Công ty CP đầu tư và kinh doanh thương mại Vinaconex | Số 8 đường Quang Trung, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **545** | SCT |
| 73 | Công ty TNHH Youngfast Optoelectronics Việt Nam | Lô CN2-1, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Màn hình cảm ứng điện dung, điện trở | **7.640** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 74 | Nhà máy xi măng Nam Sơn - Công ty CP Xi măng Sài Sơn | Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ | Công nghiệp | Xi măng Cliker | **49.408** | SCT |
| 75 | Chi nhánh Công ty TNHH Cocacola Việt Nam | K17, Quốc lộ 1A, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất nước ngọt | **2.021** | SCT |
| 76 | Công ty CP Phú Lân | Xã Đại Thắng, Phú Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vải màn các loại | **3.538** | SCT |
| 77 | Công ty CP đầu tư T&M Việt Nam | TTTM Mê Linh Plaza, km8 Thăng Long, Quang Minh, Mê Linh | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại | **672** | SCT |
| 78 | Công ty TNHH Terumo Việt Nam | Lô 44A, B, C KCN Quang Minh, Mê Linh | Công nghiệp | Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ | **2.392** | SCT |
| 79 | Công ty CP dụng cụ cơ khí xuất | Lô 15A khu Công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh | Công nghiệp | Cần khởi động xe máy, bộ dụng cụ, bếp ga xuất khẩu | **1.247** | SCT |
| 80 | Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh | Thôn Yên Nhân, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh | Công nghiệp | Bia chai các loại | **7.298** | SCT |
| 81 | Công ty CP May 10 | 765A đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên | Công nghiệp | May trang phục | **1.722** | SCT |
| 82 | Công ty TNHH Tây Phương | Cụm CN Ngọc Liệp, Ngọc Liệp, Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **4.923** | SCT |
| 83 | Công ty TNHH VIETERGY | Lô CN2, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **2.772** | SCT |
| 84 | Công ty CP Xuân Hòa | Xã Tráng Việt, huyện Mê Linh | Công nghiệp | Sản xuất vật liêu xây dựng từ đất sét | **1.863** | SCT |
| 85 | Công ty CP Xuân Hòa | Xã Tráng Việt, huyện Mê Linh | Công nghiệp | Sản xuất vật liêu xây dựng từ đất sét | **4.315** | SCT |
| 86 | Công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - CN Xuân Mai - Hà Nội | Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản | **3.984** | SCT |
| 87 | Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì | Đường Nguyễn Khoái, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **1.342** | SCT |
| 88 | Trung tâm Thương mại Dầu khí | 18 Láng Hạ, Ba Đình | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại | **812** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 89 | Sofitel Plaza Hanoi | Số 1 đường Thanh Niên, Ba Đình | Công nghiệp | Kinh doanh khách sạn - nhà hàng | **1.351** | SCT |
| 90 | BIDV Tower | Tầng 13 tháp BIDV 194 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **709** | SCT |
| 91 | TT viễn thông 2, viễn thông Hà Nội - Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam | 75 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **946** | SCT |
| 92 | Khách sạn Hilton Opera | Số 1 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh khách sạn - Nhà hàng | **961** | SCT |
| 93 | Captial Tower | 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **826** | SCT |
| 94 | Khách sạn Movenpick Hà Nội | 83A Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh khách sạn - Nhà hàng | **575** | SCT |
| 95 | Khách sạn NIKKO Hà Nội | 84 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Kinh doanh khách sạn - Nhà hàng | **1.425** | SCT |
| 96 | Trung tâm Thương mại Ruby Plaza | 44 Lê Ngọc Hân, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại | **652** | SCT |
| 97 | Vincom bà triệu | 114 Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp | **831** | SCT |
| 98 | Vincom bà triệu | 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê | **2.015** | SCT |
| 99 | Somerset Grand Hanoi | 49 Hai Bà Trưng, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Kinh doanh khách sạn | **873** | SCT |
| 100 | Tòa nhà Viet tower | Số 1-2 Thái Hà, Đống Đa | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **817** | SCT |
| 101 | Trung tâm Thương mại Parkson Hà Nội | 198B Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại | **612** | SCT |
| 102 | Khách sạn Intercontinental Hanoi Westlake | 1A đường Nghi Tàm, Tây Hồ | Công trình xây dựng | Kinh doanh khách sạn - Nhà hàng | **2.236** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 103 | Công ty TNHH Hà Việt Tungshing | Số 151 Thụy Khuê, Tây Hồ | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **655** | SCT |
| 104 | Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Hồng Hà | Tầng 1,2 Tòa nhà NO3 khu ĐTM Dịch Vọng, Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **547** | SCT |
| 105 | Công ty thông tin di động - Công ty TNHH | Tòa nhà Mobifone Lô VP1, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **1.682** | SCT |
| 106 | Trung tâm Thông tin di động KV I | 811A, đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **920** | SCT |
| 107 | Trung tâm CNTT - Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam | Nhà C3 Phương Liệt, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **675** | SCT |
| 108 | Công ty Quốc tế Hồ Tây | Số 3 Phó Đức Chính, Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Kinh doanh khách sạn | **1.033** | SCT |
| 109 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân | Khu Nội Chính, phường Nhân Chính, Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **548** | SCT |
| 110 | Khu Liên hợp Trung tâm Quốc qia | Tổ dân phố Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại | **785** | SCT |
| 111 | Trung tâm dịch vụ Viễn Thông KVI | Thôn Đình Thôn, Mỹ Đình, Từ Liêm | Công trình xây dựng | Tòa nhà văn phòng | **787** | SCT |
| 112 | Văn phòng Đài Truyền hình Việt Nam | Số 1A ngõ 75 Phố Nguyễn Công Hoan, Ba Đình | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **2.012** | SCT |
| 113 | Văn phòng Đài Truyền hình Việt Nam | 43 Nguyễn Chí Thanh | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **809** | SCT |
| 114 | Văn phòng Quốc Hội | 22 Hùng Vương, phường Điện Biên, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **1.592** | SCT |
| 115 | Trung Tâm CNTT Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam | Nhà C3, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **590** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 116 | Trung tâm Viễn thông 2 Viễn thông Hà Nội - CN Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | Số 811 đường Giải phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **776** | SCT |
| 117 | Trung tâm hạ tầng mạng miền Bắc - CN Tổng Công ty hạ tầng mạng (Việt Nam PT - Net1) | 97 Nguyễn Chí Thanh (TSC: 30 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm) | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **841** | EVN |
| 118 | TT Mạng lưới Mobifone Miền Bắc - CN Tổng CT Viễn Thông Mobifone | Số 811A đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai | Công trình xây dựng | Cung cấp dịch vụ viễn thông (Tòa nhà văn phòng) | **911** | SCT |
| 119 | CN Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam tại TP Hà Nội | Đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **585** | EVN |
| 120 | Bệnh viện Phụ sản Trung ương | 43 Tràng Thi | Công trình xây dựng | Bệnh viện | **572** | SCT |
| 121 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức | Số 40 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Bệnh viện | **1.003** | SCT |
| 122 | Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Bệnh viện | **822** | SCT |
| 123 | Bệnh viện Hữu nghị | Số 1 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Bệnh viện | **534** | SCT |
| 124 | Bệnh viện Thanh Nhàn | 42 Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Bệnh viện | **611** | SCT |
| 125 | Cục hậu cần - Bộ Tổng tham mưu | Số 1 Nguyễn Tri Phương | Công trình xây dựng | Văn phòng | **2.718** | SCT |
| 126 | Công ty TNHH MTV Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội | Số 25, Văn Miếu, phường Văn Miếu, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Văn phòng | **504** | SCT |
| 127 | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18 ngõ 879, đường La Thành, Giảng Võ | Công trình xây dựng | Bệnh viện | **1.467** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 128 | Bệnh viện Quân Y 354 - Tổng cục Hậu cần | Số 120 Đốc Ngữ, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Bệnh viện | **555** | SCT |
| 129 | TT Thông tin di động Vietnamobile | Tầng 6, số 7 Chùa Bộc, Trung Tự, Đống Đa | Công trình xây dựng | Văn phòng | **550** | SCT |
| 130 | Khu Liên hợp TT Quốc gia | Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Văn phòng tổng hợp | **1.276** | SCT |
| 131 | Bộ Tham mưu - Quân chủng phòng không không quân | Phi trường Bạch Mai, Khương Mai | Công trình xây dựng | Văn phòng | **634** | SCT |
| 132 | Công ty CP đầu tư và phát triển địa ốc Thành phố Hoàng Gia | Số 72A, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **2.300** | SCT |
| 133 | Công ty CP đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội | Tầng 6 Tòa nhà hỗn hợp, Lô C1, Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **536** | SCT |
| 134 | Xí nghiệp Dịch vụ đô thị và nhà ở Hà Nội - CN Tổng Công ty xây dựng Hà Nội - CTCP | B3A Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **579** | SCT |
| 135 | CN ALMAZ - Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Sài Đồng | Đường Hoa Lan, KĐT sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **599** | SCT |
| 136 | BQL dự án khu ĐTM Văn Khê | Khu ĐTM Văn Khê, phường Văn Khê, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **664** | SCT |
| 137 | Học viện Quân y | Nguyễn Chánh, Phúc La, Hà Đông | Công trình xây dựng | Trường học | **879** | SCT |
| 138 | Công ty TNHH Phát triển khu đô thị Nam Thăng Long | Khu văn phòng dự án, giai đoạn 2 Dự án Khu đô thị Nam Thăng Long, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **3.050** | SCT |
| 139 | Công ty CP cơ giới & XD Thăng Long | Số 138 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm | Công trình xây dựng | Công trình xây dựng | **1.090** | SCT |
| 140 | Công ty TNHH Điện Stanley | Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | **4.136** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 141 | Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội | Lô I3,I4, I5 KCN Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.761** | SCT |
| 142 | Công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - CN Xuân Mai - Hà Nội | Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản | **4.389** | EVN |
| 143 | Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội | Số 44 đường Yên Phụ, quận Ba Đình | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | **5.302** | SCT |
| 144 | Công ty TNHH Canon Việt Nam | Lô A1, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | **5.750** | SCT |
| 145 | Công ty TNHH Ogino Việt Nam | Lô N9, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.373** | SCT |
| 146 | Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola VN tại Hà Nội | Xã Duyên Thái, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | **2.683** | SCT |
| 147 | Công ty TNHH Matsuo Industries Việt Nam | Lô C10, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.608** | SCT |
| 148 | Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội | A2, CN8, CCN tập trung vừa và nhỏ, xã Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **1.324** | SCT |
| 149 | Công ty TNHH Parker Processing Việt Nam | Lô C1, 2 KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | **1.551** | SCT |
| 150 | Công ty CP Xi măng Sài Sơn - Nhà máy xi măng Nam Sơn | Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **1.244** | EVN |
| 151 | Công ty TNHH Young Fast Optoelectronics VN | Lô CN2, 1, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **4.406** | SCT |
| 152 | Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long | Số 235 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | **4.442** | SCT |
| 153 | Công ty TNHH Cao su Inoue Việt Nam | Xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ cao su | **2.837** | SCT |
| 154 | Công ty TNHH URC Hà Nội | Lô CN 22, KCN Thạch Thất, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | **2.992** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 155 | Công ty CP Giấy Vạn Điểm | Thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy | **2.920** | SCT |
| 156 | Nhà máy in tiền Quốc gia | Số 30 đường Phạm Văn Đồng, quận Bắc Từ Liêm | Công nghiệp | In ấn | **2.172** | EVN |
| 157 | Công ty TNHH hệ thống dây Sumi Hanel | KCN Sài Đồng B, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.070** | EVN |
| 158 | Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long | Lô K8, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.957** | EVN |
| 159 | Công ty TNHH MTV Sino Việt Nam | Cụm CN Liên Phương, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại | **2.089** | EVN |
| 160 | TCT CP rượu bia nước giải khát Hà Nội | Số 183 đường Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống | **4.766** | EVN |
| 161 | Công ty TNHH B.Braun Việt Nam | Cụm CN Thanh Oai, huyện Thanh Oai | Công nghiệp | Sản xuất thuốc các loại | **18.017** | EVN |
| 162 | TCT mạng lưới Viettel - CN Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Lô B1C cụm sản xuất TTCN và CNN, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **3.500** | EVN |
| 163 | Chi nhánh Công ty TNHH Tân Mỹ tại Hà Tây | KCN Thạch Thất, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **2.247** | EVN |
| 164 | Công ty TNHH SX và TM Hải Long | Tiểu khu Mỹ Lâm, Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **2.615** | SCT |
| 165 | Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển | Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | **42.361** | SCT |
| 166 | Công ty TNHH sản phẩm Ricoh Imaging VN | Lô A7, KCN Sài Đồng B, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học | **1.358** | SCT |
| 167 | Công ty CP Nhựa Hà Nội | Tổ 19, phường Phúc Lợi, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **2.016** | SCT |
| 168 | Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Showa Việt Nam | Lô M6, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **8.005** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 169 | Công ty TNHH Linh kiện điện tử SEI (Việt Nam) | Lô C6, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **8.490** | SCT |
| 170 | Công ty TNHH Sumitomo Heavy Industrial (Việt Nam) | Lô I7, I8, I9, M2, M3, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.561** | SCT |
| 171 | Công ty TNHH Denso Việt Nam | Lô E1, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **6.009** | SCT |
| 172 | Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam | Khu J3, J4, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | **23.330** | SCT |
| 173 | Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ôtô Goshi Thăng Long | Phường Việt Hưng, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **2.534** | SCT |
| 174 | Công ty TNHH Hal Việt Nam | Lô B19; P17, P18, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất xe có động cơ | **5.316** | SCT |
| 175 | Công ty Hùng Phương | Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.142** | SCT |
| 176 | Công ty TNHH Asahi Intecc Hà Nội | Lô G3, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế | **2.029** | SCT |
| 177 | Công ty CP cơ điện Trần Phú | Số 41 Phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác | **1.690** | SCT |
| 178 | Công ty TNHH thép An Khánh | Khu Thủy Lợi 2, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **204.566** | SCT |
| 179 | Công ty TNHH FCC Việt Nam | Lô A5, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.876** | SCT |
| 180 | Công ty CP Vicostone | Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.540** | SCT |
| 181 | Công ty CP Cao su Sao vàng | Số 231 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ cao su | **2.286** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 182 | Công ty TNHH KAI Việt Nam | Lô I 1&2, KCN Thăng Long, Đông Anh | Công nghiệp | Dao cạo, bấm móng, dao nhà bếp, đồ dùng khác | **1.266** | SCT |
| 183 | Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông | Đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng | **2.497** | SCT |
| 184 | Công ty CP dệt Công nghiệp Hà Nội | Số 93 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.726** | SCT |
| 185 | Công ty TNHH SX phụ tùng Yamaha Motor Việt Nam | Lô G1, G2, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **6.262** | SCT |
| 186 | Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam | Xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | **6.538** | SCT |
| 187 | Công ty CP Tập đoàn Thạch Bàn | Tổ 4, phường Thạch Bàn, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.534** | SCT |
| 188 | Công ty CP Quốc tế Sơn Hà | Lô 2, CN1 CCN nhỏ và vừa, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **3.601** | SCT |
| 189 | Công ty CP Đồng Phát | Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **3.099** | SCT |
| 190 | Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam | Lô LD4, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **17.218** | SCT |
| 191 | Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội | Xã Quất Động, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **2.110** | SCT |
| 192 | Công ty CP Giấy và bao bì Việt Thắng | CCN Hà Bình Phương, huyện Thường Tín | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | **5.005** | SCT |
| 193 | Công ty TNHH Panasonic Việt Nam | Lô J1, J2, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện tử | **4.967** | SCT |
| 194 | Công ty Giấy Tissue Sông Đuống | Số 672 đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy | **7.139** | SCT |
| 195 | Công ty CP Đầu tư và xây dựng Việt Hà | KCN Phú Minh, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.426** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 196 | Công ty CP Công trình Hàng không | Sân bay Gia Lâm, phường Bồ Đề, quận Long Biên | Công nghiệp | Xây dựng nhà các loại | **1.388** | SCT |
| 197 | Công ty XD và KD cơ sở hạ tầng KCN Hà Nội - Đài Tư | KCN Hà Nội, Đài Tư, số 386 Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, Long Biên | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.599** | EVN |
| 198 | Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - TCT Cảng hàng không Việt Nam | Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn | Vận tải | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không | **14.000** | SCT |
| 199 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Số 18 đường Láng Hạ, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **810** | EVN |
| 200 | Công ty Đầu tư Bất động sản Hapulico | Tầng 23, 24 Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **2.285** | SCT |
| 201 | Công ty CP Trung tâm TM EVER - FORTUNE | Số 83B đường Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **928** | SCT |
| 202 | Công ty TNHH Liên doanh Khách sạn Thống nhất Metropole | Số 15 Phố Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | **1.577** | SCT |
| 203 | Viện Dầu khí Việt Nam | Số 173 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **872** | EVN và PVN |
| 204 | Công ty LD Tháp Ngân hàng ĐT và PTVN | Số 194 đường Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **708** | EVN |
| 205 | Công ty TNHH Khách sạn Hà Nội Fortuna | Số 6B Phố Láng Hạ, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Khách sạn | **1.252** | EVN và PVN |
| 206 | Công ty TNHH đầu tư bất động sản Hòa Bình | Số 1, 2 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **617** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 207 | Công ty CP Daeha | Số 360 Kim Mã, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **2.705** | EVN |
| 208 | Công ty TNHH khách sạn Grand Plaza Hà Nội | Số 117 đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **3.557** | SCT |
| 209 | Công ty TNHH Global Toserco.Ltd | Số 40 phố Cát Linh, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **710** | EVN |
| 210 | Văn phòng Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam | Số 57 đường Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **1.310** | SCT |
| 211 | Công ty TNHH Tháp trung tâm Hà Nội | Số 49 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **909** | SCT |
| 212 | Tổng Công ty Viễn thông Mobifone | Tòa nhà Mobifone Lô VP1, KĐT Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | **2.128** | EVN |
| 213 | Công ty CP Savico Hà Nội | Số 7, 9 đường Nguyễn Văn Linh, phường Gia Thụy, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **936** | SCT |
| 214 | Công ty CP Viễn thông FPT | Tầng M Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động viễn thông không dây | **996** | SCT |
| 215 | Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank | Số 198 Phố Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động trung gian tiền tệ khác | **1.036** | SCT |
| 216 | Bộ tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh | Số 1 Phố Ông Ích Khiêm, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **1.022** | SCT |
| 217 | Khu Liên hợp thể thao Quốc gia | Xã Mỹ Đình, quận Nam Từ Kiêm | Công trình xây dựng | Hoạt động của các cơ sở Thể Thao | **1.276** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 218 | Bệnh viện Bạch Mai | Số 78 đường Giải Phóng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | **2.200** | SCT |
| 219 | Công ty CP Du lịch Thương mại và Đầu tư Thủ Đô | Số 109 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **613** | EVN |
| 220 | Công ty Phát triển du lịch hữu hạn làng Nghi Tàm | Số 1A đường Nghi Tàm, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Khách sạn | **1.806** | EVN |
| 221 | Công ty TNHH S.A.S CTAMAD | 44 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.328** | SCT |
| 222 | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền | Số 24 đường Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **833** | SCT |
| 223 | Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát | Số 1 đường Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | **922** | EVN |
| 224 | Công ty CP Syrena | Số 51 đường Xuân Diệu, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.014** | SCT |
| 225 | Công ty TNHH Hanotex | Số 88 phố Láng Hạ, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.527** | SCT |
| 226 | Công ty TNHH mặt trời Sông Hồng (SunRedReiver) | Số 23 đường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **585** | SCT |
| 227 | Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - CN Hà Nội | Tháp The Manor, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **2.526** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 228 | Công ty CP FPT | Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **650** | SCT |
| 229 | Công ty TNHH Panasonic System Apliances Việt Nam | Lô B6, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | **1.090** | EVN |
| 230 | Công ty TNHH Công nghiệp KYB Việt Nam | Lô I10-I11-I12, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào đâu | **1.548** | SCT |
| 231 | Công ty CP khóa Việt Tiệp | Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào đâu | **1.066** | SCT |
| 232 | Công ty TNHH Rhythm Precision Việt Nam | Lô 42, KCN Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.133** | SCT |
| 233 | Công ty TNHH Nippo MECHARTONICS | Lô 37, KCN Nội Bài, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.427** | SCT |
| 234 | Đơn vị kinh doanh Trần Thị Thư | Trạm cán thép 1, xã Đông Xuân, Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.258** | EVN |
| 235 | Công ty CP Xi măng Sài Sơn - Nhà máy xi măng Nam Sơn | Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **1.266** | SCT |
| 236 | Cơ sở sản xuất Mai Thanh Bình | Làng Vác, xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.115** | SCT |
| 237 | CN Công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - Nhà máy chế biến sản phẩm thịt Hà Nội | Lô CN-B3, Khu CN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **1.406** | SCT |
| 238 | Công ty CP nhôm Đô Thành | KCN vừa và nhỏ, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào đâu | **1.969** | SCT |
| 239 | Nhà máy sản xuất bao bì bạt nhựa Tú Phương | Thôn Phú Thụy, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **2.374** | SCT |
| 240 | Công ty cổ phần Hanel xốp nhựa | B15, đường CN6 Khu CN Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **5.185** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 241 | Công ty TNHH DYNAPAC (Hà Nội) | Khu CN Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | **1.290** | SCT |
| 242 | TT Mạng lưới Mobifone Miền Bắc - CN Tổng CT Viễn Thông Mobifone | Số 811A đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai | Công nghiệp | Cung cấp dịch vụ viễn thông | **1.189** | SCT |
| 243 | Công ty TNHH Tân Mỹ | Số 77 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ | **1.692** | EVN |
| 244 | Công ty TNHH Một thành viên Vacxin và sinh phẩm số 1 | Số 1 phố Yersin, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | Sản xuất vắc xin | **1.059** | SCT |
| 245 | Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước Hà Nội | Số 65, đường Vân Hồ 3, quận Hai Bà Trưng | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | **1.094** | SCT |
| 246 | Công ty TNHH Nhựa Việt Nhật 2 | 31 Nguyễn Thiệp, quận Hoàn Kiếm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.934** | SCT |
| 247 | Tập đoàn Viễn thông quân đội | 16 Pháo Đài Láng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Cung cấp dịch vụ viễn thông (Tòa nhà văn phòng) | **737** | SCT |
| 248 | Công ty Viễn thông quốc tế khu vực I | 97 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Cung cấp dịch vụ viễn thông | **2.114** | SCT |
| 249 | Công ty CP điện lực MIPEC | 229 phố Tây Sơn, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.669** | SCT |
| 250 | Công ty CP cơ điện & xây dựng Việt Nam | Ngõ 102 đường Trường Chinh, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **509** | EVN |
| 251 | Công ty đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội | Số 324 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **687** | EVN |
| 252 | Công ty cổ phần dịch vụ số liệu toàn cầu | Số 239, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **665** | EVN |
| 253 | Trung tâm Thương mại và Nhà ở Hà Nội | Số 239 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.502** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 254 | Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 4 | Số 243 Đê La Thành, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **540** | EVN |
| 255 | Công ty CP Thang máy Chiến Thắng | Số 22, phường Thành Công, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **600** | EVN |
| 256 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động trung gian tiền tệ khác | **548** | EVN |
| 257 | Công ty TNHH VIBANK - NGT | 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **634** | SCT |
| 258 | Công ty CP xây lắp và dịch vụ Sông Đà | Số nhà A86 TT9, KĐT mới Văn Quán, Yên Phúc, Văn Quán, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **627** | EVN |
| 259 | Công ty TNHH Hòa Bình | 505 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.018** | EVN |
| 260 | Công ty CP TID | Số 28 đường Trần Bình, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **572** | EVN |
| 261 | Công ty CP Hỗ trợ Phát triển công nghệ Detech | Tòa nhà Detech, số 8, đường Tôn Thất Thuyết, Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **514** | EVN |
| 262 | Crowne Plaza West Hanoi | 36 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.701** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 263 | Trung tâm hạ tầng mạng Miền Bắc - CN Tổng Công ty hạ tầng mạng Miền Bắc | Số 30 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **869** | EVN |
| 264 | Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Thương mại The Garden | Đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.625** | SCT |
| 265 | Công ty Liên doanh Sakura Hà Nội Plaza | Số 84 đường Trần Nhân Tông, quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Khách sạn | **812** | EVN |
| 266 | Công ty TNHH MTV Keangnam Vina | Khu E6 KĐT Cầu Giấy, xã Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **7.699** | EVN |
| 267 | Công ty LD TNHH Berjaya Hồ Tây | Số 11 đường Xuân Diệu, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Khách sạn | **954** | SCT |
| 268 | Công ty liên doanh khách sạn TNHH Hà Nội Hotel | D8 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Khách sạn | **556** | SCT |
| 269 | Viện huyết học và truyền máu Trung ương | Số 78 đường Giải Phóng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | **896** | EVN |
| 270 | Vụ Kế hoạch - Tài chính - Bộ Tài chính | 28 Trần Hưng Đạo (16, 18 Phan Chu Trinh), quận Hoàn Kiếm | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **502** | SCT |
| 271 | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec | Số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | **1.580** | SCT |
| 272 | Cục Quản trị - Tổng cục Hậu cần Kỹ Thuật - Bộ Công an | Số 80 đường Trần Quốc Hoàn, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **2.327** | SCT |
| 273 | Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân | Tầng 3, Tòa tháp Khách sạn, phố Lê Đức Thọ, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan | **1.996** | SCT |
| 274 | Trung tâm Hội nghị Quốc gia | Xã Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **1.176** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 275 | Công ty TNHH Thương mại Quốc tế và Dịch vụ Siêu thị Big C Thăng Long | Số 222 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | **1.564** | SCT |
| 276 | Công ty Điện toán và truyền số liệu | Lô 2A Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **1.898** | SCT |
| 277 | Công ty TNHH Tập Đoàn Bitexco - CN Hà Nội | Tháp The Manor, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm | Công trình xây dựng | Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **3.091** | SCT |
| 278 | Văn phòng Tổng cục Hải Quan | Số 162 đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **788** | SCT |
| 279 | Công ty VT liên tỉnh - TCT Bưu chính VT | 55 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **587** | SCT |
| 280 | Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC | CMC Tower, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **1.064** | SCT |
| 281 | Kho bạc Nhà nước | Số 32 Cát Linh, quận Đống Đa | Công trình xây dựng | Hoạt động trung gian tiền tệ khác | **827** | SCT |
| 282 | Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | KĐT Vincom Village, phường Việt Hưng, quận Long Biên | Công trình xây dựng | Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **831** | SCT |
| 283 | Công ty CP cơ khí Đông Anh LICOGI | Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) | **87.696** | SCT |
| 284 | Công ty CP Xích líp Đông Anh | Số 11, Tổ 47, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) | **2.099** | SCT |
| 285 | Công ty TNHH MTV Cơ khí 17 | Xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất kim khí gia dụng xuất khẩu, hàng nội địa, gia dụng quốc phòng | **1.301** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 286 | Công ty TNHH Tamron Optical (Việt Nam) | Lô 69B và 70A, KCN Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học | **1.670** | SCT |
| 287 | Công ty CP Style Stone | Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng bằng đất sét | **1.342** | SCT |
| 288 | Công ty TNHH Hoàng Vũ | Lô 1, CN3, cụm CN tập trung vừa và nhỏ, Minh Khai, quận Nam Từ Liêm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm inox | **2.099** | SCT |
| 289 | Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài | Số 40, Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **1.001** | SCT |
| 290 | Công ty TNHH GSK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội I | Lô số 6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.163** | SCT |
| 291 | Công ty TNHH General Motors Việt Nam | Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì | Công nghiệp | Sản xuất xe có động cơ | **1.188** | SCT |
| 292 | Công ty TNHH khuôn đúc Tsukuba Việt Nam | Lô 6A đường CN4, KCN Sài Đồng B, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.150** | SCT |
| 293 | Công ty CP May 10 | 765A đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên | Công nghiệp | May trang phục (Trừ trang phục từ da lông thú) | **1.663** | SCT |
| 294 | Công ty CP kim khí Thăng Long | Phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm bằng kim loại khác chưa được phân vào đâu | **1.109** | SCT |
| 295 | Chi nhánh nhà máy sợi Phú Xuyên - Công ty CP Sợi Phú Bài | Km35, Quốc lộ 1A, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **9.708** | SCT |
| 296 | Công ty TNHH Kính kỹ thuật Luminous | Lô 2, 1 KCN Thạch Thất, huyện Quốc Oai | Công nghiệp | Sản xuất thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh | **1.932** | SCT |
| 297 | Công ty TNHH sản xuất nhựa Việt Nhật | Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.073** | EVN |
| 298 | Khách sạn Sheraton Hà Nội | K5 Nghi Tàm, phường Quảng An, quận Tây Hồ | Công trình xây dựng | Khách sạn | **921** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 299 | Tổng Công ty viễn thông VIETTEL - CN Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Số 1 Giang Văn Minh, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **1.250** | SCT |
| 300 | Công ty TNHH Lotte Coralis Việt Nam | Số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại | **5.634** | SCT |
| 301 | Công ty TNHH Enkei Việt Nam | Lô N2, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | **3.472** | SCT |
| 302 | CTCP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội | T4 Tòa nhà Nam Cường, Km 4, Lê Văn Lương kéo dài, quận Hà Đông | Công trình xây dựng | Hoạt động của trụ sở văn phòng | **805** | SCT |
| 303 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV TENMA tại Hà Nội | Kho Bãi Trám, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic | **1.384** | EVN |
| **2. Tỉnh Vĩnh Phúc** | | | | | | |
| 1 | CN Công ty TNHH EB Thanh Hóa tại Vĩnh Phúc | Khu trung tâm thương mại Vĩnh Phúc, Phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công trình xây dựng | Dịch vụ thương mại | **566** | SCT |
| 2 | Công ty CP Bang Joo Electronics Việt Nam | KCN Bá Thiện, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.895** | SCT |
| 3 | Công ty CP Công nghiệp Việt Nam | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **7.675** | EVN |
| 4 | Công ty CP ống thép Việt Đức - VGPIPE | KCN Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **6.000** | EVN |
| 5 | Công ty CP Prime Đại Việt | Thôn Hán Lữ, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.756** | SCT |
| 6 | Công ty CP PRIME ngói Việt | KCN Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.224** | SCT |
| 7 | Công ty CP Prime Tiền Phong | Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.992** | SCT |
| 8 | Công ty CP Prime Vĩnh Phúc | Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **5.143** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Công ty CP Prime Yên Bình | Xóm Phổ, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.361** | SCT |
| 10 | Công ty CP sản xuất thép Việt Đức | KCN Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **3.782** | SCT |
| 11 | Công ty TNHH TM Trường Biện | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **2.687** | SCT |
| 12 | Công ty CP TTC | Lô CN 6, Khu CN Phúc Yên, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.504** | SCT |
| 13 | Công ty CP VIGLACERA Thăng Long | Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.025** | SCT |
| 14 | Công ty Honda Việt Nam | Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | **18.694** | EVN |
| 15 | Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam | Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất xe có động cơ | **2.899** | SCT |
| 16 | Công ty sản xuất phanh Nissin Việt Nam | Xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **4.273** | SCT |
| 17 | Công ty TNHH BHFLEX VINA | Khu công nghiệp Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **2.100** | SCT |
| 18 | Công ty TNHH Cammsys Việt Nam | KCN Bá Thiện, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **2.196** | SCT |
| 19 | Công ty TNHH công nghiệp chính xác Việt Nam | KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | **4.934** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH Diostech Vina | KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.972** | SCT |
| 21 | Công ty TNHH DKT Vina | KCN Khai Quang, P Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.128** | SCT |
| 22 | Công ty TNHH DST Vina | KCN Bá Thiện II, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.080** | SCT |
| 23 | Công ty TNHH Haesung Vina | Lô CN 7, KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **3.940** | EVN |
| 24 | Công ty TNHH Hoàn Mỹ | Thôn Hán Lữ, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **7.079** | SCT |
| 25 | Công ty TNHH Interflex Vina | Lô CN5, KCN Bá Thiện, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.483** | SCT |
| 26 | Công ty TNHH JAHWA Vina | Lô CN10, KCN Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.623** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | Công ty TNHH Kohsei Multipack Việt Nam | Lô C, KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.190** | SCT |
| 28 | Công ty TNHH NANOTECH Vina | KCN Khai Quang, P Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.116** | SCT |
| 29 | Công ty TNHH Partron Vina | Lô 11, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện khác | **1.774** | SCT |
| 30 | Công ty TNHH PIAGGIO Việt Nam | Lô M, KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | **2.121** | SCT |
| 31 | Công ty TNHH Power Logics Vina | KCN Khai Quang, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.446** | SCT |
| 32 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép Việt Nga | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **4.067** | SCT |
| 33 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thụ Ngọc Hằng | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.424** | SCT |
| 34 | Công ty TNHH sản xuất và thương mại Việt Anh | Xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.448** | SCT |
| 35 | Công ty TNHH Sekonix Vina | KCN Bá Thiện 2, Bình Xuyên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.258** | SCT |
| 36 | Công ty TNHH Thương mại Khánh Dư | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **4.374** | SCT |
| 37 | Công ty TNHH TM&SX Phôi Thép Thành Công | Xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.188** | SCT |
| 38 | Công ty TNHH Việt Nga | Xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **2.544** | SCT |
| 39 | Công ty TNHH Vitto - VP | Lô 1, khu vực A, KCN Tam Dương II, xã Kim Long, huyện Tam Dương | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **6.800** | SCT |
| 40 | Công ty TNHH TOYOTA BOSHOKU Hà Nội | Sô 144 Đ Trần Phú, phường Phúc Thắng, TX Phúc Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.010** | SCT |
| | | **3. Tỉnh Bắc Ninh** | | | | |
| 1 | Công ty Đường Malt | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất men bia | **1.351** | SCT |
| 2 | Công ty TNHH INTOPS Việt Nam | KCN Yên Phong, Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất vỏ điện thoại | **6.285** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông | KCN Quế Võ mở rộng, Quế Võ | Công nghiệp | Đèn, phích nước | **1.605** | SCT |
| 4 | Công ty TNHH Vina Yong Sejong | KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, Tiên Du | Công nghiệp | Linh kiện điện tử | **1.514** | SCT |
| 5 | Công ty TNHH S.I.Tech Việt Nam | KCN Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Linh kiện điện tử | **1.616** | SCT |
| 6 | Công ty CP Giấy Thăng Long | CCN Phong Khê 2, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất giấy | **1.909** | SCT |
| 7 | Công ty TNHH ITM SEMICONDUCTOR Vietnam | KCN VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Linh kiện điện tử | **2.021** | SCT |
| 8 | Công ty TNHH SUNGWOO Vina | KCN Thuận Thành 3, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành | Công nghiệp | Điện tử | **2.473** | SCT |
| 9 | Công ty CP Tuấn Cường | CCN Mả Ông, phường Đình Bảng, Từ Sơn | Công nghiệp | Thép | **2.474** | SCT |
| 10 | Công ty CP đầu tư và xây dựng Hợp Lực | Lô II- 12 Khu công nghiệp Quế Võ II, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm công nghiệp khác | **3.158** | SCT |
| 11 | Công ty TNHH GOERTEK Vina | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Điện tử | **3.291** | SCT |
| 12 | Công ty TNHH DAEIL TECH Việt Nam | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Linh kiện điện tử | **1.699** | SCT |
| 13 | Công ty TNHH WOOJEON Vina | KCN Quế Võ mở rộng, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.183** | SCT |
| 14 | Công ty TNHH YOUNGBO Vina | KCN Quế Võ mở rộng, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.214** | SCT |
| 15 | Công ty TNHH thương mại Phú Thái | Liền kề KCN Quế Võ, huyện Quế Võ | Công nghiệp | sản xuất các sản phẩm công nghiệp khác | **1.154** | SCT |
| 16 | Công ty TNHH M-TECH Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.034** | SCT |
| 17 | Công ty TNHH Mai Phương | KCN Tiên Sơn, Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm công nghiệp khác | **1.022** | SCT |
| 18 | Công ty TNHH ABB Việt Nam | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện | **1.138** | SCT |
| 19 | Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy BN-Chi nhánh Quảng Ngãi | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | **1.612** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH MTV nhựa Bảo Thiên | KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.119** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Công ty TNHH SEOJIN Vina | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **3.187** | SCT |
| 22 | Công ty TNHH Cedo Việt Nam | KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **3.669** | SCT |
| 23 | Công ty CP HANACANS | KCN Hanaka, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **3.100** | SCT |
| 24 | Công ty TNHH quốc tế Bright VN | KCN Thuận Thành II, huyện Thuận Thành | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) | **3.405** | SCT |
| 25 | Chi nhánh Tổng Công ty CP dệt may Hà Nội (Nhà máy sợi Bắc Ninh) | Xã Việt Hùng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.375** | SCT |
| 26 | Công ty TNHH Tiến Minh | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.562** | SCT |
| 27 | Công ty TNHH M&C Electronics Vina | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **3.280** | SCT |
| 28 | Công ty TNHH DK UIL Việt Nam | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.556** | SCT |
| 29 | Công ty TNHH Bujeon Việt Nam Electronics | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.200** | SCT |
| 30 | Công ty TNHH Mitac Computer | KCN Quế Võ 1, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.929** | SCT |
| 31 | Công ty TNHH công nghệ sinh học Konishi Việt Nam | KCN Quế Võ 1, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu | **1.565** | SCT |
| 32 | Công ty TNHH Jangwon tech Vina | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **3.013** | SCT |
| 33 | Công ty TNHH Tokyo Ink Compounds Việt Nam | KCN Quế Võ 1, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.041** | SCT |
| 34 | Công ty TNHH Jebsen & Jesen Packing Việt Nam | KCN Quế Võ 1, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất bao bì, vật liệu đóng gói | **1.105** | SCT |
| 35 | Công ty TNHH AAC Technologies Việt Nam | KCN Quế Võ 1, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.212** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 36 | Công ty Cổ phần giấy và bao bì Phú Giang | CCN Phú Lâm, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | **1.706** | SCT |
| 37 | Công ty TNHH S-MAC Vina | KCN Quế Võ 1, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.725** | SCT |
| 38 | Công ty TNHH MTV Vina Paper | CCN Tân Chi, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | **2.929** | SCT |
| 39 | Chi nhánh Công ty Diana Unicharm tại Bắc Ninh | CCN Tân Chi, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | **4.859** | SCT |
| 40 | Công ty TNHH Crucialtee Vina | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.189** | SCT |
| 41 | Công ty TNHH NRK Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.337** | SCT |
| 42 | Công ty TNHH Em - Tech Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.282** | SCT |
| 43 | Công ty TNHH DAE Nyung VN | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.164** | SCT |
| 44 | Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **30.589** | SCT |
| 45 | Công ty TNHH SAMSUNG SDI Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.039** | SCT |
| 46 | Công ty TNHH Foster | KCN Vsip, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.506** | SCT |
| 47 | CN Công ty TNHH Asia Packiging Industries Việt Nam tại Miền Bắc | KCN Vsip, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **1.329** | SCT |
| 48 | Công ty TNHH Dreamtech Việt Nam | KCN Vsip, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **4.678** | SCT |
| 49 | Công ty TNHH Microsoft Mobile | KCN Vsip, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị viễn thông | **4.313** | SCT |
| 50 | Công ty TNHH Air Liquide | Xã Phương Liễu, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **8.787** | SCT |
| 51 | Công ty TNHH kính nổi Việt Nam | Xã Phương Liễu, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh | **37.057** | SCT |
| 52 | Công ty TNHH Mitac Precision | KCN Quế Võ I, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.387** | SCT |
| 53 | Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu | Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh | **2.829** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 54 | Công ty CP Viglacera Tiên Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **16.483** | SCT |
| 55 | Công ty TNHH Canon Việt Nam - NM Quế Võ | KCN Quế Võ I, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **5.371** | SCT |
| 56 | Công ty TNHH Dragonjet Việt Nam | KCN Quế Võ I, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **1.093** | SCT |
| 57 | Công ty TNHH Seiyo Việt Nam | KCN Quế Võ I, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **2.869** | SCT |
| 58 | Công ty TNHH Sản xuất và cơ khí Tiến Đạt | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.237** | SCT |
| 59 | Công ty TNHH VS Industrial Việt Nam | KCN Quế Võ I, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **3.379** | SCT |
| 60 | Công ty CP Catalan | Xã Đông Thọ, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **66.871** | SCT |
| 61 | Công ty TNHH Tân Giếng Đáy | Xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **8.478** | SCT |
| 62 | Công ty CP Dabaco Việt Nam | Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **1.738** | SCT |
| 63 | Công ty CP Ngân Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất thuốc lá | **2.225** | SCT |
| 64 | Công ty TNHH MTC khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống | Phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | **2.481** | SCT |
| 65 | Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống | Thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | **1.307** | SCT |
| 66 | Công y TNHH Mobase Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện tử viễn thông | **7.483** | SCT |
| 67 | Công ty CP sữa Việt Nam - NM sữa Tiên Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa | **2.818** | SCT |
| 68 | Công ty TNHH Tenma Việt Nam | KCN Quế Võ mở rộng, huyện Quế Võ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **2.994** | SCT |
| 69 | Công ty TNHH Funing Precision Component (Bắc Ninh) | KCN Quế Võ, TP Bắc Ninh | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện tử viễn thông | **4.642** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 70 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | **46.175** | SCT |
| 71 | Công ty TNHH Canon Việt Nam - NM Tiên Sơn | KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **3.666** | SCT |
| 72 | Công ty TNHH Hà Nội SeowonIntech | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất nhựa | **2.077** | SCT |
| 73 | Công ty Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh | KCN Vsip, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống không cồn | **3.356** | SCT |
| 74 | Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **114.905** | SCT |
| 75 | Công ty CP Diana | KCN Tân Chi, huyện Tiên Du | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu | **2.101** | SCT |
| 76 | Công ty TNHH Flexcom Việt Nam | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.638** | EVN |
| 77 | CN Công ty TNHH Nước giải khát SUNTORY PEPSICO Việt Nam tại Bắc Ninh | Số 88, đường Hữu Nghị, VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống | **3.357** | EVN |
| 78 | Công ty TNHH Orion Vina | KCN Yên Phong, huyện Yên Phong | Công nghiệp | Chế biến thực phẩm | **1.610** | SCT |
| | | **4. Tỉnh Quảng Ninh** | | | | |
| 1 | CN Công ty CP Vật tư - TKV - Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả | Phường Cẩm Đông, Cẩm Phả | Công nghiệp | KHCN Ngành than | **65.519** | PVN |
| 2 | Công ty CP Vận tải Quảng Ninh | Tổ 3, khu 6B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long | Vận tải | DV ngành than | **4.774** | PVN |
| 3 | Công ty CP đầu tư và dịch vụ vận tải Trung Nghĩa | Khu 3, phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Vận tải | DV ngành than | **1.242** | PVN |
| 4 | Công ty CP Hàng hải Quảng Hưng | Số 8, ngõ 6, phố Hải Thịnh, phường Hồng Hải, Hạ Long | Công nghiệp | DV ngành than | **1.525** | PVN |
| 5 | CN Công ty TNHH Sao Vàng | Khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, TP Uông Bí | Công nghiệp | SX trang phục, nhuộm | **1.035** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Công ty TNHH khu công nghiệp Texhong Việt Nam | KCN cảng biển Hải Hà, xã Quảng Điền, huyện Hải Hà | Công nghiệp | Công nghiệp chế biến | **19.947** | EVN |
| 7 | Công ty CP Gạch ClinKer-Viglacera | Khu Kim Sơn, Đông Triều (MK1) | Công nghiệp | SX các sản phẩm phi kim loại | **1.316** | EVN |
| 8 | Doanh nghiệp tư nhân Anh Đức | Xã Yên Thanh, Uông Bí | Công nghiệp | SX các sản phẩm phi kim loại | **8.864** | EVN |
| 9 | Công ty TNHH Cô Tô Quảng Ninh | Đông Triều | Công nghiệp | SX các sản phẩm phi kim loại | **1.079** | EVN |
| 10 | Công ty TNHH Vinpeal Hạ long | Đảo Rều, phường Bãi Cháy | Công trình xây dựng | Xây dựng | **1.243** | EVN |
| 11 | Công ty TNHH Xay lúa mì VFM - WILMAR | Lô 21, KCN Cái Lân Mở Rộng, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công nghiệp | Chế biến thực phẩm | **1.340** | EVN |
| 12 | Công ty chế tạo máy TKV | Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | **3.214** | SCT |
| 13 | Công ty CP Than Cọc Sáu | Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **40.137** | SCT |
| 14 | Công ty CP Than Vàng Danh | Phường Vàng Danh, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **10.333** | SCT |
| 15 | Công ty Than Cao Sơn | Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **45.901** | SCT, EVN |
| 16 | Công ty Than Đèo Nai | Phường Cẩm Tây, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **25.839** | SCT |
| 17 | Công ty Than Dương Huy | Phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **7.752** | SCT |
| 18 | Công ty Than Hà Lầm | Phường Hà Lầm, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **6.460** | SCT |
| 19 | Công ty Than Hạ Long | Phường Cao Xanh, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **5.183** | SCT |
| 20 | Công ty Than Hà Tu | Phường Hà Tu, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **14.133** | SCT |
| 21 | Công ty Than Hòn Gai | 169 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **17.286** | SCT, EVN |
| 22 | Công ty Than Khe Chàm | Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **11.544** | SCT |
| 23 | Công ty Than Mạo Khê | Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **9.555** | SCT |
| 24 | Công ty Than Mông Dương | Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **7.127** | SCT |
| 25 | Công ty Than Nam Mẫu | Phường Quang Trung, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **8.149** | SCT |
| 26 | Công ty Than Núi Béo | 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **16.324** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | Công ty Than Quang Hanh | 302 Trần Phú, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **6.410** | SCT |
| 28 | Công ty Than Thống Nhất | Phường Cẩm Tây, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **6.622** | SCT |
| 29 | Công ty Than Uông Bí | Phường Trưng Vương, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **5.784** | SCT |
| 30 | Công ty Tuyển than Cửa Ông | Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **9.553** | SCT |
| 31 | Công ty Tuyển than Hòn Gai | Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **2.614** | SCT |
| 32 | Công ty CP xi măng Cẩm Phả | Phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **210.560** | SCT, EVN, TKV |
| 33 | Công ty CP xi măng và xây dựng Quảng Ninh | KCN Cái Lân, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **13.986** | SCT |
| 34 | Công ty CP xi măng Hạ Long | Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **23.766** | SCT |
| 35 | Công ty CP xi măng Thăng Long | Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **28.411** | SCT |
| 36 | Công ty CPXL và SXVLXD Hà Khẩu | Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.280** | SCT |
| 37 | Công ty CP Viglacera Hạ Long | Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **27.831** | SCT |
| 38 | Công ty Dầu thực vật Cái Lân | KCN Cái Lân, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật | **3.320** | SCT |
| 39 | Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long | KCN Cái Lân, TP Hạ Long | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | **3.177** | SCT |
| 40 | Công ty TNHH Sợi hóa học Thế kỷ mới Việt Nam | KCN Cái Lân, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **3.306** | SCT |
| 41 | Công ty TNHH MTV Vinanew Tarps | KCN Cái Lân, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.579** | SCT |
| 42 | Công ty TNHH Vi Sơn | 36 Kim Thành, xã Kim Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **28.432** | SCT |
| 43 | Công ty TNHH Hưng Long | Xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.954** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 44 | Công ty CP tập đoàn Hoàng Hà | KCN Kim Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.014** | SCT |
| 45 | Công ty CP sản xuất VLXD Kim Sơn | Thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **4.959** | SCT |
| 46 | Công ty TNHH Xây dựng Thắng Lợi | Xã Đức Chính, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **8.803** | SCT |
| 47 | Công ty CP Đông Triều Viglacera | Xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.933** | SCT |
| 48 | Công ty CP Sông Hồng 12 | Xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.056** | SCT |
| 49 | Công ty CP VIGLACERA Hạ Long | Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.437** | SCT |
| 50 | Công ty CP gốm xây dựng Yên Thọ | Xã Hoàng Quế, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.457** | SCT |
| 51 | Công ty TNHH sản xuất bột mỳ Vimaflour | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột | **3.633** | SCT |
| 52 | Công ty TNHH CN Young Sun Wolfram | KCN Cái Lân, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | **1.358** | SCT |
| 53 | Công ty TNHH Integral Materials Investment Việt Nam | KCN Việt Hưng, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **3.643** | SCT |
| 54 | Nhà máy nước Diễn Vọng | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | **1.566** | SCT |
| 55 | Công ty CP Vĩnh Thắng | CCN Kim Sơn, thị xã Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.101** | SCT |
| 56 | Công ty CP Gạch ngói Đất Việt | Xã Tràng An, thị xã Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.929** | SCT |
| 57 | Công ty TNHH Khoa học Texhong Ngân Long | KCN Hải Yên, TP Móng Cái | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **47.466** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 58 | Công ty Gốm XD Hoàng Quế Quảng Ninh | Xã Hoàng Quế, huyện Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **2.204** | SCT |
| 59 | Công ty CP Công nghiệp Tân Tiến | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.168** | SCT |
| 60 | Công ty TNHH ĐT&TM Quang Minh | Phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | **8.800** | SCT |
| 61 | Công ty CP Hoàng Trường | Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **6.160** | SCT |
| 62 | Công ty xây dựng mỏ hầm lò 1 | Phường Cẩm Phú, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **8.239** | SCT |
| 63 | Công ty xây dựng mỏ hầm lò 2 | Phường Quang Trung, TP Uông Bí | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.256** | SCT |
| 64 | Công ty TNHH MTV Môi trường - Vianacomin | Phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.138** | SCT |
| 65 | Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài | Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **23.051** | SCT |
| 66 | Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản và dịch vụ ITASCO - Vinacomin | 55A Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **2.131** | SCT |
| 67 | Công ty CP TM Tuấn Tiến | Thị trấn Mạo Khê, thị xã Đông Triều | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | **47.404** | SCT |
| 68 | Công ty CP Vĩnh Tiến | Thị trấn Mạo Khê, thị xã Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.189** | SCT |
| 69 | Công ty TNHH sản xuất gạch xây dựng Hải Hà | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.130** | SCT |
| 70 | Công ty CP Thành Đạt | Phường Ka Long, TP Móng Cái | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **5.412** | SCT |
| 71 | XN Khai thác đá Phương Đông | Phường Phương Đông, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác đá | **1.142** | SCT |
| 72 | Công ty TNHH MTV 86 | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **4.766** | SCT |
| 73 | Công ty TNHH MTV 790 | Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **1.568** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 74 | Công ty TNHH MTV 35 | Phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **2.805** | SCT |
| 75 | Công ty TNHH MTV 91 | Thị trấn Mạo Khê, thị xã Đông Triều | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **2.272** | SCT |
| 76 | Công ty TNHH MTV Khe Sim | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **16.072** | SCT |
| 77 | Công ty TNHH MTV VT và CB Than Đông Bắc | Phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **3.954** | SCT |
| 78 | Công ty Than Hồng Thái - TKV | Phường Phương Đông, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **3.914** | SCT |
| 79 | Công ty PT Vietmindo Energitama | Uông Thượng, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **1.835** | SCT |
| 80 | Công ty CP Thông Quảng Ninh | Phường Phương Đông, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác, thu mua và chế biến nhựa thông | **1.691** | SCT |
| 81 | Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển | Phường Thanh Sơn, TP Uông Bí | Công trình xây dựng | Hoạt động của các bệnh viện | **695** | SCT |
| 82 | Công ty Địa chất mỏ | Phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Thăm dò địa chất | **2.009** | SCT |
| 83 | Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả | Phường Cửa Ông, TP Cẩm Phả | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | **5.534** | SCT |
| 84 | Công ty Kho vận Đá bạc TKV | Phường Trưng Vương, TP Uông Bí | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | **5.292** | SCT |
| 85 | Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ TKV | Phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng sông | **1.637** | SCT |
| 86 | Công ty Kho vận Hòn Gai | Phường Hồng Hà, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa | **3.105** | SCT |
| 87 | Công ty CP vận tải thủy | 169 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa | **2.890** | SCT |
| 88 | Công ty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ | Phường Cẩm Đông, TP Cẩm Phả | Vận tải | Vận tải bằng xe buýt | **2.712** | SCT |
| 89 | Công ty CP Hoa Sơn | Phường Hà Trung, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | **1.687** | SCT |
| 90 | Công ty TNHH Phúc Xuyên | Phường Yên Thanh, TP Uông Bí | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | **2.295** | SCT |
| 91 | CN Công ty VLXD và XLTM Quảng Ninh | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | **4.659** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 92 | Công ty CPTM Vinashin Hạ Long | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa | **2.067** | SCT |
| 93 | BQL các dịch vụ công ích TP Hạ Long | Số 18 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Hoạt động trụ sở văn phòng | **535** | SCT |
| 94 | Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh | Phường Tuần Châu, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Khách sạn | **799** | SCT |
| 95 | Công ty CP Quốc tế Hoàng Gia | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Khách sạn | **1.421** | SCT |
| 96 | Công ty CP Giải trí Lợi Lai | Phường Ka Long, TP Móng Cái | Công trình xây dựng | Khách sạn | **922** | SCT |
| 97 | Công ty CP sản xuất và Thương mại than Uông Bí | Phường Trưng Vương, TP Uông Bí | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **17.070** | SCT |
| 98 | Công ty CP Bất động sản Việt Nhật (Big C) | Phạm Hồng Hải, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | **847** | SCT |
| 99 | Công ty CP Gốm màu Hoàng Hà | CCN Kim Sơn, thị xã Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **7.456** | SCT |
| 100 | Nhà máy nhiệt điện Uông Bí 2 | Phường Quang Trung, TP Uông Bí | Công nghiệp | Sản xuất điện | **37.858** | EVN, A0 |
| 101 | Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh | Tổ 33 Khu 5, phường Hà Khánh, TP Hạ Long | Công nghiệp | Sản xuất điện | **93.335** | EVN, A0 |
| 102 | Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 | Phường Mông Dương, TP Cẩm phả | Công nghiệp | Sản xuất điện | **88.597** | EVN, A0 |
| 103 | Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả | Phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Sản xuất điện | **39.752** | EVN, A0 |
| 104 | Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê | Xã Bình Khê, Xuân Sơn, Tràng An thuộc thị xã Đông Triều | Công nghiệp | Sản xuất điện | **47.620** | EVN, A0 |
| 105 | Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2 | Phường Mông Dương, TP Cẩm phả | Công nghiệp | Sản xuất điện | **102.358** | EVN, A0 |
| 106 | Công ty TNHH MTV 397 | TT Mạo Khê, thị xã Đông Triều | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **2.695** | SCT |
| 107 | Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Đông Bắc | Phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả | Công nghiệp | Khai thác và thu gom than cứng | **20.087** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 108 | Công ty TNHH Vincom Retail miền Bắc | Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **871** | SCT |
| 109 | Khách sạn Mường Thanh Quảng Ninh - CN Cty CP Tập đoàn Mường Thanh | Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Khách sạn | **590** | SCT |
| 110 | Công ty CP Cảng Quảng Ninh | Hòn Gai, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Hoạt động chỉ huy | **538** | EVN |
| 111 | Bệnh viện tỉnh Quảng Ninh | Phường Bạch Đằng, Máy 1, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Bệnh viện, trạm xá | **640** | EVN |
| 112 | Công ty TNHH Điện lực AES - TKV Mông Dương | Khu 3, phường Mông Dương, TP Cẩm Phả | Công trình xây dựng | Khu công nghiệp | **704** | EVN |
| 113 | CN Công ty CP bất động sản Việt - Nhật tại TP. Hạ Long | Cột 5, phường Hồng Hải, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Khách sạn | **819** | EVN |
| 114 | Xí nghiệp Kho vận Xăng dầu K130 | Khu 6, phường Hà Khẩu ,TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **837** | EVN |
| 115 | Công ty CP Gạch ngói Kim Sơn | Thôn Nhuệ Hổ, xã Kim Sơn, Đông Triều | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **896** | EVN |
| 116 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long | Công trình xây dựng | Bệnh viện, trạm xá | **587** | EVN |
| **5. Tỉnh Hải Dương** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Chemilens Việt Nam | Lô đất XN42-1, KCN Đại An, phường Tứ Minh, TP Hải Dương | Công nghiệp | SX các sản phẩm phi kim loại | **1.149** | EVN |
| 2 | Công ty TNHH sợi Vĩ Sơn | KCN Đại An, TP Hải Dương | Công nghiệp | May mặc, thời trang, phụ kiện thời trang, vải, hàng may sẵn, giày dép | **1.157** | SCT |
| 3 | Công ty CP Thức ăn chăn nuôi VINA | KCN Nam Sách, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **1.094** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Công ty CP Gốm Mỹ | Xã Hoàng Tiến, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất VLXD từ đất sét | **1.662** | SCT |
| 5 | Công ty TNHH TM Bảo Long | KDC Bình Giang, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất kinh doanh sợi, vải | **2.489** | SCT |
| 6 | Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài | Xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất giấy, bao bì | **1.185** | SCT |
| 7 | Công ty CP Thép Hòa Phát | Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất gang thép | **99.024** | SCT |
| 8 | Công ty TNHH TUNG YANG | Xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật | **1.509** | SCT |
| 9 | Công ty TNHH MTV Thiết bị điện Hoàng Dương | CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | **1.565** | SCT |
| 10 | Công ty TNHH SD Global Việt Nam | CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.726** | EVN |
| 11 | Công ty TNHH dệt PACIPIC CRYSTAL | KCN Lai Vu, huyện Kim Thành | Công nghiệp | Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt | **2.165** | SCT |
| 12 | Công ty TNHH UNIDEN Việt Nam | Lô 51, KCN Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị truyền thông | **1.078** | SCT |
| 13 | Công ty TNHH Giấy Hải Dương | Thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, huyện Tứ Kỳ | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ Giấy và bìa chưa được phân vào đâu | **1.650** | SCT |
| 14 | Công ty TNHH GFT Việt Nam | Thôn Tất Thượng, xã Cộng Hòa, huyện Tứ Kỳ | Công nghiệp | Sản xuất, gia công chế tạo đồ chơi trẻ em | **2.545** | SCT |
| 15 | Công ty CP xi măng Trung Hải - HD | Xã Duy Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **1.055** | SCT |
| 16 | Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | Khu 2 Bích Nhôi, Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **53.934** | SCT |
| 17 | Công ty CP luyện kim Tân Nguyên Hải Dương Việt Nam | Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **66.846** | SCT |
| 18 | Công ty CP sản xuất VLXD Thành Công III | Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **5.587** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Công ty CP Tân Hà Kiều | Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **16.778** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH Thành Dũng | Xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất giấy nhãn và bìa nhãn | **2.753** | SCT |
| 21 | Công ty xi măng Phúc Sơn | Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **38.994** | SCT |
| 22 | Nhà máy xi măng Thành Công II | Xã Duy Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **1.654** | SCT |
| 23 | Công ty TNHH Phú Tân | Xã Duy Tân, huyện Kinh Môn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **5.753** | SCT |
| 24 | Nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 + 2 | Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất điện | **70.472** | EVN |
| 25 | Công ty CP Trúc Thôn | Thôn Trúc, xã Cộng Hòa, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng bằng đất sét | **2.771** | SCT |
| 26 | Công ty TNHH Nhôm Đông Á | Xã Tân Dân, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **4.021** | SCT |
| 27 | Công ty CP nhựa và môi trường xanh An Phát | Lô CN11 + CN12, CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | **6.025** | SCT |
| 28 | Công ty TNHH sản xuất VLXD Thành Công | Thôn Quynh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **2.518** | SCT |
| 29 | Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam | KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | **2.566** | SCT |
| 30 | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hoa Kỳ | Xã Quán Gỏi, huyện Bình Giang | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **2.034** | SCT |
| 31 | Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam - CN Hải Dương | KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **3.854** | SCT |
| 32 | Công ty TNHH Điện tử UMC Việt Nam | KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.827** | SCT |
| 33 | Công ty TNHH HITACHI CABLE Việt Nam | KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác | **2.074** | SCT |
| 34 | Công ty TNHH Điện tử IRISO Việt Nam | KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.067** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 35 | Công ty CP Dây và cáp điện Thượng Đình | Xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác | **1.465** | SCT |
| 36 | Công ty TNHH Công nghệ Vĩnh Hàn Precision | KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.434** | SCT |
| 37 | Công ty TNHH KPF Việt Nam | Lô XN2, KCN Đại An mở rộng, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **5.550** | SCT |
| 38 | Công ty CP giầy Cẩm Bình | Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **2.342** | SCT |
| 39 | Công ty TNHH dây và cáp điện ô-tô SUMIDEN VN | KCN Đại An, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **2.176** | SCT |
| 40 | Công ty TNHH SUMIDENSO Việt Nam | KCN Đại An, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.711** | SCT |
| 41 | Công ty TNHH KEFICO Việt Nam | KCN Đại An, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **2.897** | SCT |
| 42 | Công ty TNHH may Tinh Lợi | KCN Nam Sách, TP Hải Dương | Công nghiệp | May trang phục (Trừ trang phục từ da lông thú) | **2.755** | SCT |
| 43 | Công ty TNHH MTV Thuận Phát Hải Dương | Xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **3.656** | SCT |
| 44 | Công ty CP Hoàng Long Steel | Xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **2.315** | SCT |
| 45 | Công ty CP Trung Kiên | Thị trấn Phú Thái , huyện Kim Thành | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | **1.791** | SCT |
| 46 | Công ty TNHH ANT (HN) | KCN Tân Trường, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **2.307** | EVN |
| 47 | Công ty TNHH AIDEN Việt Nam | KCN Nam Sách, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.383** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 48 | Công ty TNHH điện tử TOWADA Việt Nam | KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.055** | SCT |
| 49 | Công ty TNHH KURODA KAGAKU Việt Nam | KCN Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.258** | SCT |
| 50 | Công ty CP Viglacera Hà Nội - Nhà máy Hải Dương | 108 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.132** | SCT |
| 51 | Công ty TNHH Việt Nam Toyo denso | KCN Nam Sách, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **2.642** | SCT |
| 52 | Công ty CP thế giới | CCN Tân Dân, xã Tân Dân, thị xã Chí Linh | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.348** | SCT |
| 53 | Công ty TNHH FORD Việt Nam | Phường Tứ Minh, TP Hải Dương | Công nghiệp | Sản xuất xe có động cơ | **1.252** | SCT |
| 54 | Công ty TNHH Công nghệ NISSEI Việt Nam | KCN Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng | Công nghiệp | SX các thiết bị, dụng cụ điện | **1.003** | EVN |
| 55 | CN Công ty CP bất động sản Việt - Nhật tại Hải Dương | Km54+100, quốc lộ 5, Khu 3, phường Nhị Châu, TP Hải Dương | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **565** | EVN |
| **6. Thành phố Hải Phòng** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Ge Việt Nam - CN Hải phòng | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện | **2.221** | SCT |
| 2 | CN tại HP - Công ty TNHH VincomRetail Miền Bắc | Số 1 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại | **761** | SCT |
| 3 | Công ty CNTT Nam Triệu | Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | **1.566** | SCT |
| 4 | Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng | 16 Lạch Tray, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **3.021** | SCT |
| 5 | Công ty CP Cảng Hải Phòng | 8A Trần Phú, quận Ngô Quyền | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | **5.618** | SCT |
| 6 | Công ty CP Cảng Nam Hải Đình Vũ | Km6 đường Đình Vũ, Đồng Hải 2, quận Hải An | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | **1.172** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Công ty CP Cáp điện LS Vina | Cầu Bính, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác | **5.271** | SCT |
| 8 | Công ty CP Công nghiệp nhựa Chin Huei | Số 567 đường Phạm Văn Đồng, phường Hải Thành, quận Dương Kinh | Công nghiệp | SX các sản phẩm từ cao su và nhựa | **1.625** | EVN |
| 9 | Công ty CP Container Việt Nam | 11 Võ Thị Sáu, quận Ngô Quyền | Vận tải | Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng | **1.105** | SCT |
| 10 | Công ty CP Đầu tư và PT cảng Đình Vũ | Cảng Đình Vũ, huyện Đông Hải | Vận tải | Bốc xếp hàng hóa cảng biển | **1.704** | SCT |
| 11 | Công ty CP Hóa chất Minh Đức | Xã Minh Thủy, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **6.358** | SCT |
| 12 | Công ty CP Luyện thép Việt Ý | KCN Cầu Kiền, xã Hoàng Động, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **28.381** | EVN |
| 13 | Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng | Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất điện | **108.392** | EVN, A0 |
| 14 | Công ty CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong | Số 2 An Đà, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **5.588** | SCT |
| 15 | Công ty CP Thép Việt Nhật | Km9, QL5, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **6.657** | SCT |
| 16 | Công ty CP Thuận Ích | Tầng 3 Tòa nhà Tower, 32 Trần Phú, quận Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất giầy dép | **1.455** | SCT |
| 17 | Công ty CP Vận tải biển Việt Nam | 215 Lạch Tray, quận Ngô Quyền | Vận tải | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | **7.604** | SCT |
| 18 | Công ty CP Vận tải xăng dầu Vipco | 37 Phan Bội Châu, quận Ngô Quyền | Vận tải | Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng | **27.189** | SCT |
| 19 | Công ty CP Xây dựng và thương mại Thùy Dương | 519 Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền | Công trình xây dựng | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | **1.111** | SCT |
| 20 | Công ty CP TM Quốc tế và dịch vụ Đại siêu thị Big C Hải Phòng | Lô 1/20 KĐT ngã 5 sân bay Cát Bi, quận Ngô Quyền | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | **857** | SCT |
| 21 | Công ty Liên doanh sản xuất thép Vinausteel | Km9, Quán Toán, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **5.513** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Công ty PVTex | Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An | Công nghiệp | SX công nghiệp | **5.913** | PVN |
| 23 | Công ty Thép Úc SSE | Km9, Quán Toán, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **16.082** | SCT |
| 24 | Công ty Thép VSC Posco | Km9, Quán Toán, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **9.128** | SCT |
| 25 | Công ty TNHH CN Giầy Aurora Việt Nam | Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất giầy dép | **2.831** | SCT |
| 26 | Công ty TNHH CN Nhựa CHINHUEI | Km9, Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.680** | SCT |
| 27 | Công ty TNHH CN Nhựa Phú Lâm | Km9, Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.754** | SCT |
| 28 | Công ty TNHH CNN Doosan Vina HP | Km92, QL5, phường Sở dầu, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.222** | SCT |
| 29 | Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật | Km9, phường Quán Toán, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.477** | SCT |
| 30 | Công ty TNHH Đỉnh Vàng | 1167 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất giầy dép | **1.659** | SCT |
| 31 | Công ty TNHH Fuji Xerox Hải Phòng | Lô IN-1-3, Khu công nghiệp Vsip, Thủy Nguyên | Công nghiệp | SX máy in, máy Photocopy | **1.555** | SCT |
| 32 | Công ty TNHH Fujikura Composites Hải Phòng | Lô D3-D6, KCN Nomura Hải Phòng, An Dương | Công nghiệp | sản xuất sản phẩm từ cao su | **1.067** | SCT |
| 33 | Công ty TNHH Iko Thompson Việt Nam | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | **1.679** | SCT |
| 34 | Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam - Hải Phòng | KCN Tràng Duệ, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng | **6.783** | SCT |
| 35 | Công ty TNHH MTV cấp nước HP | 54 Đinh Tiên Hoàng, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | **2.689** | SCT |
| 36 | Công ty TNHH MTV DAP Vinachem | Lô G17, Khu KT Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | **31.419** | VINACHEM |
| 37 | Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng | Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Đóng tàu và cấu kiện nổi | **1.502** | SCT |
| 38 | Công ty TNHH MTV Thương mại đầu tư phát triển đô thị | Số 1 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền | Công trình xây dựng | Trung tâm thương mại-Catbi Plaza | **521** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **120.247** | SCT, VICEM |
| 40 | Công ty TNHH New Hope Hà Nội - CN HP | KCN Đình Vũ, Hải An | Công nghiệp | SX thức ăn gia súc | **1.030** | SCT |
| 41 | Công ty TNHH Ống thép Vinapipe | Km9, Quán Toán, quận Hồng Bàng | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **2.295** | SCT |
| 42 | Công ty TNHH Quốc tế Vĩnh Chân | Lô CN16 CCN Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic | **1.345** | SCT |
| 43 | Công ty TNHH sản xuất lốp xe Bridgestone Việt Nam | KCN Đình Vũ, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **5.821** | SCT |
| 44 | Công ty TNHH Sao Vàng | Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão | Công nghiệp | Sản xuất giầy dép | **1.547** | SCT |
| 45 | Công ty TNHH Sunmax Việt Nam | Km8, Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ cao su | **21.085** | EVN |
| 46 | Công ty TNHH Synztec Việt Nam | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.694** | SCT |
| 47 | Công ty TNHH Takahata Precision Việt Nam | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic | **1.538** | SCT |
| 48 | Công ty TNHH thép Đongbu Việt Nam | KCN Đình Vũ, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **11.222** | EVN |
| 49 | Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel | 17A Ngô Quyền | Công nghiệp | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh | **8.099** | SCT |
| 50 | Công ty TNHH Toyoda Gosei Hải Phòng | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **2.315** | SCT |
| 51 | Công ty TNHH TOYOTA BOSHOKU Hải Phòng | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **7.236** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 52 | Công ty TNHH vật liệu nam châm ShinEtsu Việt Nam | Lô CN520, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An | Công nghiệp | SX đất hiếm | **1.777** | SCT |
| 53 | Công ty TNHH Yanagawa Seiko Việt Nam | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **1.228** | SCT |
| 54 | Công ty TNHH Yazaki Hải Phòng Việt Nam | KCN Nomura, huyện An Dương | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.211** | SCT |
| 55 | Công ty xi măng Chinfon | Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **348.410** | SCT |
| 56 | Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc Proconco | KCN Đình Vũ, quận Hải An | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **1.592** | SCT |
| 57 | Công ty TNHH Metro Cash&Carry Việt Nam | Số 2, KĐT mới, Sở Dầu | Công trình xây dựng | Dịch vụ hàng hóa | **2.699** | SCT |
| 58 | Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu | Đường Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng (Số 3 đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền) | Công trình xây dựng | Kho bãi hàng hóa | **650** | EVN |
| 59 | CN Công ty CP Container Việt Nam - Xí nghiệp Cảng Viconship | 1 đường Ngô Quyền, phường Đông Hải 1, quận Hải An | Công trình xây dựng | Kho bãi hàng hóa | **654** | EVN |
| 60 | CN tại thành phố Hải Phòng - Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc | Số 1 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **761** | EVN |
| 61 | Xí nghiệp xăng dầu K131 | Kỳ Sơn | Công trình xây dựng | Kho bãi hàng hóa | **739** | EVN |
| 62 | Công ty CP Cảng Nam Hải | 201 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền | Công trình xây dựng | Kho bãi hàng hóa | **1.172** | EVN |
| 63 | Công ty CP cảng xanh VIP | Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An | Công trình xây dựng | Kho bãi hàng hóa | **527** | EVN |
| 64 | Bệnh viện Việt Tiệp | Trần Nguyên Hãn | Công trình xây dựng | Bệnh viện, trạm xá | **638** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 65 | Công ty TNHH HAPACO H.P.P | Km 17 Quốc lộ 5, thôn Tiên Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **1.015** | EVN |
| | | **7. Tỉnh Hưng Yên** | | | | |
| 1 | CN Công ty TNHH CARGILL Việt Nam tại Hưng Yên | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất | **1.587** | SCT |
| 2 | CN Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu | Thôn Đồng Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang | Công nghiệp | Sản xuất bánh kẹo | **1.284** | SCT |
| 3 | CN Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **6.506** | EVN |
| 4 | CN sản xuất Công ty TNHH Lavie tại Hưng Yên | TT Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất | **1.057** | SCT |
| 5 | Công ty CP Đầu tư ROYAL Việt Nam | Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu | Công nghiệp | Sản xuất | **1.369** | SCT |
| 6 | Công ty CP Nhựa Phố Hiến | Đường Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, TP Hưng Yên | Công nghiệp | SX nhựa | **1.061** | SCT |
| 7 | Công ty CP Công nghệ cao TRAPHACO | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất | **2.015** | SCT |
| 8 | Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội | Đường 206 Khu D, KCN Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **2.548** | SCT |
| 9 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thái Dương | Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | **1.908** | SCT |
| 10 | Công ty CP Hưng Phú | KCN Phố Nối B, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.319** | SCT |
| 11 | Công ty CP Huyndai Aluminum Vina | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu | **11.317** | SCT |
| 12 | Công ty CP Inox Hòa Bình | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **2.056** | EVN |
| 13 | Công ty CP Mikado Hưng Yên | Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.721** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Công ty CP Nhựa Hưng Yên | 115 Nguyễn Thiện Thuật, Minh Khai, TP Hưng Yên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.447** | SCT |
| 15 | Công ty CP Ống đồng Toàn Phát | Đường 206 Khu D, KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **2.165** | SCT |
| 16 | Công ty CP Thép Việt - Ý | KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **4.408** | SCT |
| 17 | Công ty CP Thuận Đức | Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **1.344** | SCT |
| 18 | Công ty CP thực phẩm XK Trung Sơn Hưng Yên | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh | **1.534** | SCT |
| 19 | Công ty Kyocera Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.656** | EVN |
| 20 | Công ty TNHH An Quý Hưng Yên | Xá Bạch Sam, huyện Mỹ Hào | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.183** | SCT |
| 21 | Công ty TNHH CN Chính Đại | Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **3.192** | SCT |
| 22 | Công ty TNHH Dây và cáp điện Ngọc Khánh | Xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác | **2.365** | SCT |
| 23 | Công ty TNHH Dây và cáp điện ô tô Sumiden Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.770** | SCT |
| 24 | Công ty TNHH Dệt và Nhuộm Hưng Yên | Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác | **2.494** | SCT |
| 25 | Công ty TNHH Dong Yang E&P Việt Nam | xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.163** | SCT |
| 26 | Công ty TNHH Dorco Vina | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **3.710** | SCT |
| 27 | Công ty TNHH Gas Việt Nhật - chi nhánh Hưng Yên | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **5.545** | SCT |
| 28 | Công ty TNHH Hamaden Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **2.539** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | Công ty TNHH HOYA Glass Disk Việt Nam II | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **9.720** | SCT |
| 30 | Công ty TNHH JP Corelex (Việt Nam) | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu | **14.587** | SCT |
| 31 | Công ty TNHH Kyocera Việt Nam | Km 33, Quốc lộ 5A, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào | Công nghiệp | Chế tạo máy móc, thiết bị | **2.282** | EVN |
| 32 | Công ty TNHH Lixil Việt Nam tại Hưng Yên | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **2.160** | SCT |
| 33 | Công ty TNHH Minh Hiếu - Hưng Yên | Thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất | **1.426** | SCT |
| 34 | Công ty TNHH MTC Khai thác thủy lợi Hưng yên | Số 47 đường Trưng Trắc, phường Quang Trung, TP Hưng Yên | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | **1.689** | SCT |
| 35 | Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 | Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất | **1.184** | SCT |
| 36 | Công ty TNHH MTV Kinh đô Miền Bắc | Quốc lộ 5A, thị trấn Bần, huyện Mỹ Hào | Công nghiệp | Sản xuất chế biến thực phẩm | **1.662** | SCT |
| 37 | Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc | Đường D1, KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **1.362** | SCT |
| 38 | Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **38.513** | EVN |
| 39 | Công ty TNHH Musashi Auto Parts Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.614** | SCT |
| 40 | Công ty TNHH Ngọc Quyền | Xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.990** | SCT |
| 41 | Công ty TNHH Nikkiso Việt Nam | C6-C7, KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế | **1.503** | SCT |
| 42 | Công ty TNHH PIC Việt Nam | KCN Phố Nối, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu | **1.743** | SCT |
| 43 | Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Việt Nam | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **5.697** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 44 | Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Minh Ngọc | KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **8.004** | SCT |
| 45 | Công ty TNHH Sews-Components Việt Nam | Lô D2-D3, KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **1.562** | SCT |
| 46 | Công ty TNHH SOC Việt Nam | KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất thiết bị điện | **1.402** | SCT |
| 47 | Công ty TNHH Song Long | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **3.488** | SCT |
| 48 | Công ty TNHH Tae Yang Hà Nội | Xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | **3.046** | EVN |
| 49 | Công ty TNHH Taeyang Việt Nam | KCN Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | SX các SP Inox | **3.283** | EVN |
| 50 | Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát | Khu D, KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.764** | SCT |
| 51 | Công ty TNHH Thép Nhật Quang | Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **4.290** | EVN |
| 52 | Công ty TNHH TOKO Việt Nam | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **5.519** | SCT |
| 53 | Công ty TNHH Bao bì Việt Hưng | KM17 QL5, TT Như Quỳnh, Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | **1.181** | SCT |
| 54 | Công ty TNHH Sản xuất - TM Hòa Bình | Xã Giai Phạm, Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất Inox | **1.243** | SCT |
| 55 | Công ty TNHH Thiết bị điện LIOA | Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Sản xuất thiết dây dẫn điện các loại | **2.533** | SCT |
| 56 | Công ty TNHH SX & TM Tân Á Hưng Yên | TT Yên Mỹ , huyện Yên Mỹ | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | **1.554** | SCT |
| 57 | Công ty TNHH Ochiai Việt Nam | Lô C8, KCN Thăng Long II, huyện Yên Mỹ | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **590** | EVN |
| 58 | Công ty TNHH Phát triển XNK & Đầu tư VIEXIM | Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **621** | EVN |
| 59 | Công ty CP GreenFeed Việt Nam - CN Hưng Yên | Đường A5, KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm | Công nghiệp | Chế biến thực phẩm | **1.119** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 60 | Công ty CP Bao bì Nhựa Bắc Á | 91 Đường Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, TP Hưng Yên | Công nghiệp | SX các sản phẩm từ cao su và nhựa | **1.381** | EVN |
| **8. Tỉnh Thái Bình** | | | | | | |
| 1 | CN Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc | KCN Tiền Hải, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Phân phối khí tự nhiên | **1.950** | SCT |
| 2 | CN Công ty TNHH Sao Vàng | CCN Quỳnh Côi, Thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.390** | SCT |
| 3 | Công ty CP BITEXCO Nam Long | Lô A2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất ngành hàng may sẵn (trừ trang phục) | **2.905** | SCT |
| 4 | Công ty CP Đầu tư Thương mại Quốc tế Minh Long | Phường Hoàng Diệu, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất hàng may mặc | **2.834** | SCT |
| 5 | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **3.337** | SCT |
| 6 | Công ty CP Dệt sợi Đam San | Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Tiền Phong | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **4.300** | EVN |
| 7 | Công ty CP Gạch ốp lát Thái Bình | Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.996** | SCT |
| 8 | Công ty CP sản xuất hàng thể thao Maxport | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất ngành hàng may sẵn (trừ trang phục) | **1.016** | EVN |
| 9 | Công ty CP Sợi Trà Lý | Số 128 Lê Quý Đôn, phường Tiền Phong, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **5.575** | EVN |
| 10 | Công ty CP tập đoàn Hương Sen | Số 18 Trần Thái Tông, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **1.385** | SCT |
| 11 | Công ty CP Viglacera Tiên Sơn - Nhà máy Viglacera Thái Bình | Khu CN Tiền Hải, xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất vật liêu xây dựng từ đất sét | **5.460** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Công ty CPTM XNK DATEX | Lô A4, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **2.222** | SCT |
| 13 | Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình - MICCO | Thôn Tây Sơn, xã Vũ Chính, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **2.730** | SCT |
| 14 | Công ty Thép đặc biệt Shengly | KCN Cầu Nghìn, huyện Quỳnh Phụ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **65.886** | SCT |
| 15 | Công ty TNHH Cơ khí Thành Long | Tổ 9, phường Hoàng Diệu, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất cơ khí | **1.601** | SCT, EVN |
| 16 | Công ty TNHH Công Nghiệp Sheng Fang | KCN Phúc Khánh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất cơ khí | **1.254** | SCT |
| 17 | Công ty TNHH Dệt nhuộm xuất khẩu Thăng Long | KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất ngành hàng may sẵn (trừ trang phục) | **1.834** | SCT |
| 18 | Công ty TNHH Hợp Thành | Lô A2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.286** | SCT |
| 19 | Công ty TNHH May NienhSing Việt Nam | Đường Trần Thị Dung, KCN Phúc Khánh, TP Thái Bình | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **1.682** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH Pha lê Việt Tiệp Thái Bình | Lô 43588, 1m$^2$, xã Tây Sơn, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **2.696** | SCT |
| 21 | Công ty TNHH Sứ Đông Lâm | Thôn Đông, xã Tây Giang, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp | **1.676** | PVN và EVN |
| 22 | Cty TNHH SXKD Sứ Hảo Cảnh | Xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.326** | SCT |
| 23 | Công ty TNHH TAV | Lô A4, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **1.312** | SCT |
| 24 | Nhà máy Gạch men Mikado | Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ đất sét | **3.103** | SCT |
| 25 | Ban ĐH DA nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 | Xóm 3, Chỉ Thiên, Mỹ Lộc, Thái Thụy | Công trình xây dựng | Trụ sở làm việc | **586** | EVN |
| **9. Tỉnh Hà Nam** | | | | | | |
| 1 | CN Công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Hà Nam | KCN Đồng Văn 2, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn chăn nuôi | **2.091** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Chi nhánh TCT CP Dệt may Hà Nội | KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.746** | SCT |
| 3 | Công ty CP Appe JV Việt Nam | Km 50 Quốc lộ 1A,Tiên Tân, Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn chăn nuôi | **1.817** | SCT |
| 4 | Công ty CP Casablanca Việt Nam | Cụm CN Thi Sơn, huyện Kim Bảng | Công nghiệp | Sản xuất đồ điện tử | **1.503** | SCT |
| 5 | Công ty CP Casablanca Việt Nam | KCN Châu Sơn, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.503** | EVN |
| 6 | Công ty CP Đầu tư công nghệ và thương mại Hana | Tổ 3, P Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.245** | SCT |
| 7 | Công ty CP Dinh dưỡng Hồng Hà | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản | **1.487** | SCT |
| 8 | Công ty CP HACERA | Cụm CN Nam Châu Sơn, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | **3.113** | SCT |
| 9 | Công ty CP Nhựa Châu Âu | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **3.745** | EVN |
| 10 | Công ty CP Xi măng Vissai Hà Nam (Dây chuyền 1) | Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **75.259** | EVN |
| 11 | Công ty CP Xi măng Vissai Hà Nam (Dây chuyền 2) | Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **92.001** | EVN |
| 12 | Công ty CP Xi măng Hoàng Long | Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **9.053** | EVN |
| 13 | Công ty CP Xi măng Kiện Khê | Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **8.104** | EVN |
| 14 | Công ty Xi măng Thành Thắng | Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **48.846** | EVN |
| 15 | Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn | Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **293.141** | SCT VICEM |
| 16 | Công ty CP Xi măng Xuân Thành | Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **20.520** | SCT |
| 17 | Công ty Friesland Campina Hà Nam | KCN Châu Sơn, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | **1.906** | SCT |
| 18 | Công ty Honda Việt Nam (Chi nhánh Hà Nam) | KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất mô tô, xe máy | **3.835** | SCT |
| 19 | Công ty TNHH Dệt Đài Nguyên | KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Dệt kim, se sợi | **4.226** | SCT |
| 20 | Công ty Dệt Hà Nam | KCN Châu Sơn, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **11.330** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Công ty Dệt may Châu Giang | Xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **1.487** | EVN |
| 22 | Công ty TNHH Đồng Kỹ thuật Korea Việt Nam | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | **1.469** | SCT |
| 23 | Công ty TNHH Dorco Vina - CN Hà Nam | Đường D3, khu G, KCN Hòa Mạc, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng | **1.353** | SCT |
| 24 | Công ty TNHH Dream Plastic | Cụm CN Tây Nam, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **2.038** | SCT |
| 25 | Công ty TNHH Finetek Việt Nam | Lô A1-3, đường N2, khu A, KCN Hòa Mạc, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.622** | SCT |
| 26 | Công ty TNHH hệ thống dây dẫn Sumi Việt Nam | KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất dây cáp, dây điện và điện tử khác | **1.641** | SCT |
| 27 | Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.591** | SCT |
| 28 | Công ty TNHH MTV Quỳnh Hằng | Lô C, KCN Đồng Văn I, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | SX các sản phẩm từ cao su và nhựa | **1.241** | SCT |
| 29 | Công ty TNHH Nhựa Đông Á | KCN Châu Sơn, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác từ plastic | **1.506** | SCT |
| 30 | Công ty TNHH Number One Hà Nam | KCN Kiện Kê, huyện Thanh Liêm | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống | **2.666** | SCT |
| 31 | Công ty TNHH Quang Quân | KCN Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Sản xuất bao bì nhựa | **1.080** | SCT |
| 32 | Công ty TNHH Showa Denko Rare - Earth Việt Nam | KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | Các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa phân vào đâu | **1.556** | SCT |
| 33 | Công ty TNHH Sợi Long Vân | Tổ 5, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **6.202** | SCT |
| 34 | Công ty CP DDNN Quốc tế CN Hà Nam | KCN Đồng Văn, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công trình xây dựng | Khu công nghiệp | **797** | EVN |
| 35 | Công ty CP Vải địa kỹ thuật Việt Nam | Lô 80, KCN Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công trình xây dựng | Khu công nghiệp | **875** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 36 | Công ty TNHH dệt Đài Nguyên Việt Nam | Khu CN Đồng Văn 2, xã Bạch Thượng, Thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công nghiệp | SX các sản phẩm gia dụng | **4.217** | EVN |
| 37 | Cơ sở Nguyễn Văn Vụ | Phố Bói, Thanh Phong, T Liêm | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **1.703** | EVN |
| 38 | Công ty TNHH Việt Phương Hà Nam | KCN Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên | Công trình xây dựng | Khu công nghiệp | **792** | EVN |
| **10. Tỉnh Nam Định** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Sợi Dệt nhuộm Yulun (VN) | Khu CN Bảo Minh, huyện Vụ Bản | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.317** | SCT |
| 2 | Công ty CP Dây lưới thép Nam Định | Số 67 Nguyễn Văn Trỗi, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **1.352** | SCT |
| 3 | Công ty CP Dệt lụa Nam Định | Số 4 đường Hà Huy Tập, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | **1.624** | SCT |
| 4 | Công ty CP Dệt may Sơn Nam | Số 63 Nguyễn Văn Trỗi, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **3.043** | SCT |
| 5 | Công ty CP Dệt Nam Định | Số 43, Tô Hiệu, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **7.320** | SCT |
| 6 | Công ty CP Dệt nhuộm Thiên Nam SUNRISE | Khu CN Bảo Minh, huyện Vụ Bản | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **5.943** | SCT |
| 7 | Công ty CP Lâm sản Nam Định | Lô C1 đường D2 KCN Hòa Xá, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ | **2.672** | SCT |
| 8 | Công ty CP May Sông Hồng | Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **2.005** | SCT |
| 9 | Công ty CP TCE VINA DEMIM | KCN Hòa Xá, TP Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **2.158** | SCT |
| 10 | CTCP VICEM Bao bì Bút Sơn | Km 2, Đường Văn Cao, Tp Nam Định | Công nghiệp | Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì | **1.139** | SCT |
| 11 | Công ty TNHH Đúc Thắng Lợi | Số 5 đường N1, KCN Hòa Xá, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **1.628** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Công ty TNHH EB Nam Định (siêu thị Big C) | TT thương mại Thiên Trường , xã Lộc Hòa, TP Nam Định | Công trình xây dựng | Siêu thị, dich vụ | **553** | SCT |
| 13 | Công ty TNHH Giầy AMARA Việt Nam | Thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **1.049** | SCT |
| 14 | Công ty TNHH Kim khí Anh Tú | Km số 9, Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **3.826** | SCT |
| 15 | Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Nam Định | Số 89 Quang Trung, TP Nam Định | Công trình xây dựng | Dịch vụ | **959** | SCT |
| 16 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà | Ô D2 khu Đông Mạc, phường Thống Nhất, TP Nam Định | Công nghiệp | Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác | **1.318** | SCT |
| 17 | Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch | Số 55 Cù Chính Lan, TP Nam Định | Công trình xây dựng | Dịch vụ | **886** | SCT |
| 18 | Công ty TNHH Sunrise Spinning Việt Nam | Khu CN Bảo Minh, huyện Vụ Bản | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu | **3.050** | SCT |
| 19 | Công ty TNHH YAMANIDYNAST | Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực | Công nghiệp | Sản xuất giày, dép | **1.210** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH Youngone Nam Định | KCN Hòa Xá, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **3.142** | SCT |
| 21 | Công ty TNHH Youngor Smart Shirt Việt Nam | KCN Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **1.321** | SCT |
| 22 | Công ty TNHH Thắng Lợi | Số 5 đường N1, KCN Hòa Xá, TP Nam Định | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **1.628** | EVN |
| **11. Tỉnh Ninh Bình** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP ô tô Thành Công Ninh Bình (CN Công ty CP Tập đoàn Thành Công Việt Nam) | Khu CN Gián Khẩu, huyện Gia Viễn | Công nghiệp | Lắp ráp ô tô | **1.011** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | CN Công ty TNHH Duyên Hà - Nhà máy xi măng Duyên Hà | Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **265.574** | EVN |
| 3 | Công ty CP Gốm xây dựng Quỳnh Lưu | Xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **4.168** | EVN |
| 4 | Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình | Phường Thanh Bình, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Sản xuất điện | **5.517** | EVN, A0 |
| 5 | Công ty CP Phân lân Ninh Bình | Xã Ninh An, huyện Hoa Lư | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | **28.464** | EVN |
| 6 | Công ty CP Vật liệu xây dựng và xây lắp số Tam Điệp | Phường Tân Bình, TP Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **4.267** | EVN |
| 7 | Công ty CP xi măng Hệ Dưỡng | Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **52.433** | EVN |
| 8 | Công ty CP xi măng Hướng Dương | Phường Nam Sơn, TP Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **209.409** | SCT |
| 9 | Công ty TNHH Giày Adora | KCN Tam Điệp, TP Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **5.442** | SCT |
| 10 | Công ty TNHH May NIENHSING Ninh Bình | Khu công nghiệp Khánh Phú | Công nghiệp | SX hàng may mặc | **1.175** | SCT |
| 11 | Công ty TNHH MCNEX VINA | KCN Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **3.105** | SCT |
| 12 | Công ty TNHH MT Đạm Ninh Bình | KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | **169.789** | EVN |
| 13 | Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp | KCN Tam Điệp, TP Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **152.769** | EVN |
| 14 | Công ty TNHH Tập đoàn xi măng The Vissai | KCN Gián Khẩu, huyện Gia Viễn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **328.277** | EVN |
| 15 | DN Xây dựng Xuân Trường | Số 16, đường Xuân Thành, phường Tân Thành, TP Ninh Bình | Công nghiệp | Xây dựng | **5.607** | EVN |
| 16 | NM cán thép chất lượng cao Tam Điệp (Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam) | KCN Tam Điệp, TP Tam Điệp | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **6.764** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Nhà máy kính nổi Tràng An | KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh | Công nghiệp | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh | **18.253** | EVN |
| 18 | Công ty CP sản xuất ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam | Khu công nghiệp Gián Khẩu, Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn | Công nghiệp | Khu công nghiệp | **1.012** | EVN |
| 19 | CN Công ty CP bất động sản Việt - Nhật tại Ninh Bình | Đường Trần Nhân Tông, Xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình | Công trình xây dựng | Thương nghiệp | **618** | EVN |
| 20 | Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Ninh Bình | Phường Nam Thành, TP Ninh Bình | Công trình xây dựng | Bệnh viện, trạm xá | **546** | EVN |
| **II. TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC** | | | | | | |
| **1. Cao Bằng** | | | | | | |
| 1 | CN Công ty CP Tư vấn đầu tư XD và công trình Mỏ | 248Q/CT2 xóm Khuổi Hân, Ngũ Lão, Hòa An | Công nghiệp | SX kim loại | **11.839** | EVN |
| 2 | Công ty CP Gang thép Cao Bằng | Xã Chu Chinh, huyện Hòa An | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **69.877** | EVN |
| 3 | Công ty CP Khoáng sản Nikko Việt Nam | Xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu, kim loại quý | **4.712** | SCT |
| 4 | Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Cao Bằng | Phường Ngọc Xuân, TP Cao Bằng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **5.702** | EVN |
| 5 | Công ty CP Gốm - Xây dựng Nam Phong | Xã Nam Phong I, huyện Hưng Đạo | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **4.329** | EVN |
| **2. Tỉnh Hà Giang** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Đầu tư khoáng sản An Thông | Số 415 Đường Trần Phú, phường Trần Phú, Hà Giang | Công nghiệp | Khai thác quặng Uranium, Thorium | **2.560** | EVN |
| 2 | Công ty TNHH Sơn Lâm | Tổ 1, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp (Tuyển quặng phero mangan) | **7.845** | EVN |
| **3. Tỉnh Tuyên Quang** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Woodsland Tuyên Quang | Xóm Chanh 1, xã Thái Bình | Công nghiệp | Chế biến gỗ và các SP từ gỗ, tre | **1.601** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Công ty CP Vật liệu Viên Châu | Km3, xã An Tường, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **9.793** | SCT |
| 3 | Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất 13 | Thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **2.823** | SCT |
| 4 | Công ty CP Xi măng Tân Quang | Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **83.752** | EVN |
| 5 | Công ty CP Giấy An Hòa | Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương | Công nghiệp | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa | **67.615** | EVN |
| 6 | Công ty CP Xi măng Tuyên Quang | Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **22.193** | EVN |
| 7 | Nhà máy Hợp kim sắt - MIMECO Tuyên Quang thuộc Công ty Cổ phần khoáng sản và cơ khí | KCN Long Bình An, TP Tuyên Quang | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **5.163** | SCT |
| **4. Tỉnh Điện Biên** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Xi măng Điện Biên | Số 15, phố 12, phường Mường Thanh, TP Điện Biên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **28.995** | SCT |
| **5. Tỉnh Lào Cai** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Cấp nước tỉnh Lào Cai | SN 037, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, Tp Lào Cai | Công nghiệp | Cung cấp nước sạch | **1.029** | SCT |
| 2 | Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung | Khu công nghiệp Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất gang thép | **34.855** | SCT |
| 3 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai | TP Lào Cai | Công trình xây dựng | Khám chữa bệnh | **512** | SCT |
| 4 | Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam | Phường Pom Hán, TP Lào Cai | Công nghiệp | Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón | **27.556** | SCT |
| 5 | Công ty Luyện đồng Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | **13.022** | SCT |
| 6 | Công ty Phốt pho vàng Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **25.069** | SCT |
| 7 | Công ty TNHH Đông Nam Á Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **33.495** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Công ty CP Phốt pho Việt Nam | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **16.210** | SCT |
| 9 | Công ty TNHH Phốt pho vàng Việt Nam | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **31.868** | SCT |
| 10 | Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **49.099** | SCT |
| 11 | Công ty CP vật liệu xây dựng Lào Cai | Số 398 đường Ngô Quyền, phường Kim Tân, TP Lào Cai | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **10.167** | SCT |
| 12 | Công ty CP sản xuất - XNK Phú Hưng | Thôn 3 xã Bản Vược, huyện Bát Xát | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **21.500** | SCT |
| 13 | Công ty CP thương mại Thành Công | Xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.655** | SCT |
| 14 | Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico | Tổ 30, phường Duyên Hải, TP Lào Cai | Công nghiệp | Khai thác khoáng sản | **1.635** | SCT |
| 15 | Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai | Xã Bản Vược, huyện Bát Xát | Công nghiệp | Khai thắc quặng sắt | **9.109** | SCT |
| 16 | Khách sạn Quốc tế ARISTO | Số 028 Yết Kiêu, phường Kim Tân, TP Lào Cai | Công trình xây dựng | Khách sạn | **1.533** | SCT |
| 17 | Công ty CP DAP số 2 - VINACHEM | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **23.570** | SCT |
| 18 | Công ty CP Phân bón Lào Cai | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | **10.646** | SCT |
| 19 | Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **1.196** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH MTV CBNSTP Hiếu Hưng | Thôn Tân Sơn, xã Tân An, huyện Văn Bàn | Công nghiệp | Chế biến và bảo quản rau quả khác | **1.028** | EVN |
| 21 | Công ty CP Nam Tiến Lào Cai | Số 157 Nhạc Sơn, phường Cốc Lếu, TP Lào Cai | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.441** | SCT |
| 22 | Doanh nghiệp tư nhân Đức Tiến | Đội 3, xã Bản Vược, huyện Bát Xát | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **3.296** | SCT |
| 23 | Công ty TNHH DV du lịch Cáp treo FANSIPAN Sa Pa | SN89B, Đường Nguyễn Chí Thanh, Thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa | Công trình xây dựng | Dịch vụ giải trí, du lịch | **538** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **6. Tỉnh Yên Bái** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái | Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái | Công nghiệp | SX các sản phẩm phi kim loại | **1.186** | EVN |
| 2 | Công ty TNHH Khoáng sản V.STAR | Tổ 13, Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình | Công nghiệp | SX các sản phẩm phi kim loại | **1.464** | EVN |
| 3 | Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái | Tổ 19 TT Yên Bình, huyện Yên Bình | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **32.614** | SCT |
| 4 | Công ty CP Kỹ thuật Hoàng Liên Sơn | Tổ 34, phường Yên Ninh, TP Yên Bái | Công nghiệp | Sản xuất sứ cách điện | **1.364** | SCT |
| 5 | Công ty CP Vật liệu xây dựng Yên Bái | Tổ 40 phường Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái | Công nghiệp | Sản xuất gạch | **6.563** | SCT |
| 6 | Công ty CP Xi măng Yên Bình | Tổ 5, Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **79.122** | SCT |
| 7 | Công ty CP Mông Sơn | Tổ 16, Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình | Công nghiệp | Khai thác chế biến bột đá CaCO3 | **1.014** | SCT |
| **7. Tỉnh Thái Nguyên** | | | | | | |
| 1 | Doanh nghiệp tư nhân Hữu Thành | Tổ 11 Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên | Vận tải | Vận tải | **1.034** | PVN |
| 2 | Công ty TNHH Samsung Electro-Mechanics Việt Nam | KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên | Công nghiệp | SX radio, thiết bị truyền thông | **26.130** | EVN |
| 3 | Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck | Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ | Công nghiệp | Khai thác kim loại đen, màu | **2.764** | EVN |
| 4 | Công ty TNHH Bokwang Vina | Khu công nghiệp Điềm Thụy, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.339** | SCT, EVN |
| 5 | Công ty TNHH RFTECH Thái Nguyên | KCN Điềm Thụy xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.014** | SCT, EVN |
| 6 | Công ty TNHH Alutec Vina | Lô CN6 KCN Điềm Thụy, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.128** | SCT, EVN |
| 7 | Nhà máy nhiệt điện An Khánh 1 | Tổ 22, phường Quang Trung, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất điện | **15.466** | SCT A0 |
| 8 | Công ty TNHH NN MTV DIESEL Sông Công | Phường Lương Châu, TP Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **3.209** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Công ty CP PRIME Phổ Yên | Xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.965** | SCT, EVN |
| 10 | Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn | Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất điện | **14.159** | A0, EVN |
| 11 | Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo | Xóm 11, xã Hòa Thượng, huyện Đại Từ | Công nghiệp | Khai thác quặng sắt | **22.310** | EVN |
| 12 | Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên | Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý | **16.413** | SCT, EVN |
| 13 | Công ty CP Giang thép Thái Nguyên | Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **149.687** | SCT, EVN |
| 14 | Công ty CP Cơ điện luyện kim Thái Nguyên | Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **5.323** | SCT |
| 15 | Công ty CP Cơ khí Phổ Yên | Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **1.517** | SCT |
| 16 | Công ty CP Luyện kim đen Thái Nguyên | Xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **25.274** | SCT |
| 17 | Công ty TNHH NatsteelVina | Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **4.151** | SCT |
| 18 | Công ty TNHH Một thành viên 27 | Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.663** | SCT, EVN |
| 19 | Công ty TNHH MTV Cơ điện và Vật liệu nổ 31 | Xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **1.612** | SCT |
| 20 | Chi nhánh Công ty nhà máy gạch ốp lát Việt Ý | KCN Sông Công, TP Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **9.601** | SCT, EVN |
| 21 | Công ty CP Giấy Hoàng Văn Thụ | Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất giấy và bìa | **1.955** | SCT, EVN |
| 22 | Công ty CP Xi măng Quán Triều | Xã An Khánh, huyện Đại Từ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **68.456** | SCT, EVN |
| 23 | Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **12.497** | SCT, EVN |
| 24 | Chi nhánh Công ty nhà máy Xi măng Lưu Xá | Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **18.131** | SCT, EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Công ty CP Phụ tùng máy số 1 | Phường Mỏ Chè, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe | **3.030** | SCT, EVN |
| 26 | Công ty TNHH Hiệp Hương | Khu A, KCN Sông Công, TP Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **5.031** | EVN |
| 27 | Công ty TNHH Xây dựng và phát triển miền núi | 598, phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **3.687** | SCT, EVN |
| 28 | Công ty CP Cán thép Thái Trung | Tổ 21, phường Cam Giá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **11.148** | SCT, EVN |
| 29 | Công ty CP Xi măng La Hiên | Xã La Hiên, huyện Võ Nhai | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **10.921** | SCT, EVN |
| 30 | Công ty TNHH Hương Đông | Khu B, KCN Sông Công, phường Bách Quang, TP Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.462** | SCT, EVN |
| 31 | Công ty CP Thép Toàn Thắng | Khu B, KCN Sông Công, phường Bách Quang, TP Sông Công | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **2.454** | SCT, EVN |
| 32 | Công ty TNHH Glonics Việt Nam | Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **3.087** | SCT, EVN |
| 33 | Công ty CP MEINFA | Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) | **1.060** | SCT, EVN |
| 34 | Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên (SEVT) | KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **226.783** | EVN |
| 35 | Công ty TNHH Hansol Electronics Việt Nam | KCN Yên Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **7.940** | EVN |
| 36 | Công ty TNHH MANI Ha Noi | Xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên | Công nghiệp | Sản xuất dụng cụ y tế | **2.077** | SCT, EVN |
| 37 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại Hiệp Linh | Tổ 11, phường Phú Xá, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **5.498** | EVN |
| 38 | Công ty CP Đầu tư & Thương mại TNG | Số 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên | Công nghiệp | May mặc | **1.204** | SCT |
| 39 | Công ty Than Khánh Hòa | Xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương | Công nghiệp | Khai thác chế biến than | **1.312** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **8. Tỉnh Lạng Sơn** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Tân Thành Lạng Sơn | Xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng | Công nghiệp | SX VLXD từ đất sét | **3.087** | SCT |
| 2 | Xí nghiệp gạch Tuynel Cao Lộc | Xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc | Công nghiệp | SX VLXD từ đất sét | **1.564** | SCT |
| 3 | Công ty CP gạch ngói Hợp Thành | Xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc | Công nghiệp | SX VLXD từ đất sét | **7.645** | SCT |
| 4 | Công ty TNHH Bảo Long | Cụm CNĐP số 2, huyện Cao Lộc | Công nghiệp | SX máy bơm nước | **1.063** | SCT |
| 5 | Tòa nhà Viettel CN Lạng Sơn | Xã Mai Pha, TP Lạng Sơn | Công nghiệp | KD DV viễn thông | **1.146** | SCT |
| 6 | Công ty TNHH Hải Sơn | Xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng | Công nghiệp | SX VLXD từ đất sét | **1.958** | SCT |
| 7 | Công ty CP Xi măng Lạng Sơn | Xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **6.272** | SCT |
| 8 | Công ty CP Đá mài Hải Dương | Xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng | Công nghiệp | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá | **3.174** | SCT |
| 9 | Công ty CP xi măng Đồng Bành | Thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **13.831** | SCT |
| 10 | Công ty Nhiệt điện Na Dương | Xã Sàn Viên, huyện Lộc Bình | Công nghiệp | Sản xuất điện | **11.831** | EVN, A0 |
| **9. Tỉnh Bắc Giang** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Bắc Hà | Thôn Lịm Xuyên, xã Song Khê, TP Bắc Giang | Công nghiệp | SX các sản phẩm từ giấy và bìa | **1.628** | SCT |
| 2 | Công ty TNHH MTV SJ Tech Việt Nam | Lô số CN-16, Khu công nghiệp Vân Trung, Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.105** | EVN |
| 3 | Cty TNHH New Wing interconnect Technology (Bắc Giang) | KCN Vân Trung, xã Vân Trung, Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.069** | EVN |
| 4 | Cty TNHH Trinasolar (Viet Nam) Science & Technology | Lô CN 06, Khu công nghiệp Vân Trung, Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất pin và ắc quy | **1.336** | EVN |
| 5 | Công ty TNHH Vina Cell Technology | Lô CN 05, KCN Vân Trung, Việt Yên, Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất pin và ắc quy | **2.164** | EVN |
| 6 | Công ty CP Ngôi Sao | Xã Tân Dĩnh, Lạng Giang | Công nghiệp | SX các sản phẩm gạch, ngói | **7.948** | EVN |
| 7 | Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc | Phường Thọ Xương, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | **405.020** | SCT |
| 8 | Công ty Nhiệt điện Sơn Động Vinacomin | Thôn Đồng Rì, Thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động | Công nghiệp | Sản xuất điện | **22.704** | A0, EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Công ty CP May XK Hà Phong | Xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục da lông thú) | **1.085** | SCT |
| 10 | Công ty Xi măng Bắc Giang | Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **6.158** | EVN |
| 11 | Công ty TNHH Fuhong Precision Component Bắc Giang | KCN Đình Trám, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính | **6.340** | EVN |
| 12 | Công ty CP thương mại Sơn Trạch | KCN Song Khê, xã Nội Hoàng, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất sắt, thép, gang | **1.500** | SCT |
| 13 | Nhà máy giấy Xương Giang - Công ty CP XNK Bắc Giang | KCN Song Khê, xã Nội Hoàng, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa | **4.019** | EVN |
| 14 | Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam (Công ty Hoa Hưng Việt Nam) | CCN Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam | Công nghiệp | Sản xuất bao bì từ plastic | **7.001** | SCT |
| 15 | Công ty CP Hồng Thái | Hồng Thái, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.102** | EVN |
| 16 | Công ty CP Cầu Sen | Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.203** | SCT, EVN |
| 17 | Nhà máy Tân Xuyên - Công ty CP Tân Xuyên | Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **4.709** | SCT, EVN |
| 18 | Nhà máy Tân Xuyên - Công ty CP Tân Xuyên | Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **5.841** | SCT, EVN |
| 19 | Công ty Gạch Hòa Sơn | Thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **4.728** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH Italisa Việt Nam | Lô số B5, B6 KCN Song Khê, huyện Nội Hoàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **2.057** | SCT |
| 21 | Công ty TNHH MTV 45 | Xã Thanh Sơn, huyện Sơn Động | Công nghiệp | Khai thác chế biến than | **1.981** | SCT, EVN |
| 22 | Công ty TNHH Abrasives Việt Nam | Lô B5, B6 Khu CN Song Khê, huyện Nội Hoàng | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **3.266** | SCT |
| 23 | Cty TNHH Khoa học kỹ thuật năng lượng mặt trời Boviet | Lô B5, B6 Khu CN Song Khê, huyện Nội Hoàng | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **7.372** | SCT, EVN |
| 24 | Công ty TNHH SI Flex Việt Nam | Lô A KCN Quang Châu, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.876** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Công ty TNHH Hoa Hạ Việt Nam | Khu CN Đình Trám, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **1.484** | SCT |
| 26 | Công ty CP Casablanca | Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm từ plastic | **1.894** | SCT |
| 27 | Công ty TNHH Hosiden Việt Nam | Lô C1, KCN Quang Châu, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.676** | SCT |
| 28 | Công ty CP Thương mại Sơn Thạch | KCN Song Khê, Nội Hoàng, TP Bắc Giang | Công nghiệp | Sản xuất thép | **1.500** | SCT |
| 29 | Công ty CP Gạch Cẩm Lý | Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.670** | SCT, EVN |
| 30 | Công ty TNHH NICHIRIN Việt Nam | Lô B4 KCN Quang Châu, huyện Việt Yên | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **766** | EVN |
| 31 | Công ty TNHH Thức ăn CN đặc khu Hope Việt Nam | Khu công nghiệp Quang Châu, Việt Yên | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **708** | EVN |
| 32 | CN Công ty CP Bất động sản Việt - Nhật tại Bắc Giang | Trung tâm thương mại BigC Bắc Giang, xã Tân Tiến, TP Bắc Giang | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **610** | EVN |
| 33 | Cơ sở Trần Văn Chiểu | C163 - I, Thôn Bè, Đồng Việt | Công trình xây dựng | Thành thị | **1.980** | EVN |
| 34 | Cơ sở Nguyễn Văn Liễu | C24A3-I, Thôn Nam, Đồng Việt | Công trình xây dựng | Thành thị | **1.894** | EVN |
| 35 | Công ty TNHH Thương mại Dương Tiến | Thôn Thành Công và Quyết Tiến, xã Tiền Phong | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **734** | EVN |
| 36 | Công ty TNHH Vina Solar Technology | Lô CN - 03 Khu CN Vân Trung, huyện Việt Yên | Công nghiệp | Sản xuất pin mặt trời | **9.083** | SCT |
| 37 | Công ty TNHH Daeyang Ha Noi | Cụm CN Đồng Đình, Tân Yên, Bắc Giang | Công trình xây dựng | Bán buôn, bán lẻ | **769** | EVN |
| **10. Tỉnh Phú Thọ** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Cấp nước Phú Thọ | Phường Tân Dân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất nước sạch | **1.437** | SCT |
| 2 | Công ty TNHH Shillim Việt Nam | Phường Vân Cơ, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất dệt may bao bì | **1.128** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công ty TNHH MTV Jeong woo Việt Nam | Cụm CN làng nghề Nam Thanh Ba, xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.021** | SCT |
| 4 | Công ty TNHH JNTC VINA | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh | **1.002** | SCT |
| 5 | CN tại tỉnh Phú Thọ - Công ty TNHH Vincom Retail miền Bắc | Phường Tiên Cát, TP Việt Trì | Công trình xây dựng | Siêu thị | **670** | SCT |
| 6 | CN Công ty CP bất động sản Việt Nhật tại Phú Thọ | Phường Thanh Miếu, TP Việt Trì | Công trình xây dựng | Siêu thị | **623** | SCT |
| 7 | Công ty CP supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao | Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao | Công nghiệp | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | **9.249** | SCT |
| 8 | Công ty TNHH Miwon Việt Nam | Phường Thọ Sơn, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu | **6.214** | SCT |
| 9 | Công ty TNHH MTV Pangrim Neotex | Phường Bến Gót, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất vải dệt thoi | **7.672** | SCT |
| 10 | Công ty CP Hóa chất Việt Trì | Phường Thọ Sơn, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **13.817** | SCT |
| 11 | Công ty CP Xi măng Sông Thao | Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **11.582** | SCT |
| 12 | Công ty CP CMC | Phường Tiên Cát, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **6.436** | SCT |
| 13 | Công ty CP Xi măng Phú Thọ | Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **5.242** | SCT |
| 14 | Công ty CP Xi măng Hữu Nghị | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **4.015** | SCT |
| 15 | Công ty CP Dệt Vĩnh Phú | Phường Nông Trang, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **4.025** | SCT |
| 16 | Công ty CP Giấy Việt Trì | Phường Bến Gót, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy | **7.127** | SCT |
| 17 | Tổng Công ty Giấy Việt Nam | Thị trấn Phong Châu, Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy | **12.399** | SCT |
| 18 | Công ty CP Nhôm Sông Hồng | Phường Bến Gót, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | **2.532** | SCT |
| 19 | Công ty CP Viglacera Việt Trì | Phường Tiên Cát, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác | **2.203** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH MTV hóa chất 21 | Xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | **1.656** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Công ty TNHH Kapstex Vina | Lô 05, KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.024** | SCT |
| 22 | Công ty CP Đông Á | Thị trấn Phong Châu, Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất hóa chất cơ bản | **3.004** | SCT |
| 23 | Công ty TNHH Polytarp | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic | **2.680** | SCT |
| 24 | Công ty TNHH MTV Chè Phú Bền | Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba | Công nghiệp | Sản xuất thực phẩm chưa phân vào đâu | **3.520** | SCT |
| 25 | Công ty CP Sản xuất thương mại Hữu Nghị | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất công nghiệp khác | **2.133** | SCT |
| 26 | Công ty TNHH Tarpline Hà Nội | CCN Đồng Lạng, huyện Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.450** | SCT |
| 27 | Công ty CP VLXD Vĩnh Thịnh - Phú Thọ | Xã Thượng Nông, huyện Tam Nông | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **2.229** | SCT |
| 28 | Công ty CP Gạch men TASA | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **9.210** | SCT |
| 29 | Công ty TNHH Công nghệ NAMUGA Phú Thọ | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **2.677** | SCT |
| 30 | Nhà máy gạch Thanh Uyên - Công ty TNHH XD Tự Lập | Xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.127** | SCT |
| 31 | Công ty TNHH JM Plastic Việt Nam | Lô DT 07, CCN Đồng Lạng, huyện Phù Ninh | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.625** | SCT |
| 32 | Công ty TNHH Jeil Phú Thọ | LÔ 4, KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic | **2.679** | SCT |
| 33 | Công ty Trí Đức Phú Thọ | Phố Hồng Hà, phường Bến Gót, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.114** | SCT |
| 34 | Công ty Gốm sứ CTH | Khu 6, xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ | Công nghiệp | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác | **1.062** | SCT |
| 35 | Công ty TNHH Dệt Phú Thọ | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.524** | SCT |
| 36 | Công ty Jeil Phú Thọ | KCN Thụy Vân, TP Việt Trì | Công nghiệp | Sản xuất các sản phẩm từ plastic | **1.059** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **11. Tỉnh Sơn La** | | | | | | |
| 1 | Nhà máy gạch Tuynel Nà Bó | Xã Na Bó, huyện Mai Sơn | Công nghiệp | SX gạch | **1.769** | SCT |
| 2 | Nhà máy gạch Tuynel huyện Phù Yên | Tân Ban, xã Huy Thượng, huyện Phù Yên | Công nghiệp | SX gạch | **2.979** | SCT |
| 3 | Nhà máy gạch Tuynel Sơn La | Phường Chiềng Sinh, TP Sơn La | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.397** | SCT |
| 4 | Nhà máy gạch Tuynel Sơn Hưng Trung | Phường Chiềng Sinh, TP Sơn La | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.943** | SCT |
| 5 | Nhà máy gạch Tuynel Mộc Châu | Xã Mường Sang, huyện Mộc Châu | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.731** | SCT |
| 6 | Nhà máy gạch Tuynel Sông Mã | Xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.586** | SCT |
| 7 | Nhà máy gạch Chiềng Pha | Xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.016** | SCT |
| 8 | Nhà máy gạch Vạn Thành | Bản Tông, phường Chiềng Xôm, TP Sơn La | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.509** | SCT |
| 9 | Nhà máy gạch ngói Chiềng Mung | Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.615** | SCT |
| 10 | Công ty CP Xi măng Mai Sơn | Xã Na Bó, huyện Mai Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **44.105** | SCT |
| 11 | Nhà máy Thủy điện Sơn La | Số 56, đường Lò Văn Giá, tổ 3, phường Chiềng Lề, TP Sơn La | Công nghiệp | Sản xuất điện | **3.216** | A0, EVN |
| **12. Tỉnh Hòa Bình** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Xi măng X18 | Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **42.274** | EVN |
| 2 | Công ty CP Nước sạch Vinaconex | Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn | Công nghiệp | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | **4.570** | EVN |
| 3 | Công ty TNHH Xi măng Vĩnh Sơn | Xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **44.624** | EVN |
| 4 | Công ty TNHH HNT VINA | KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn | Công nghiệp | Sản xuất linh kiện điện tử | **1.569** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Công ty TNHH MTV Xi măng Trung Sơn | Xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **65.785** | SCT |
| 6 | Nhà máy Thủy điện Hòa Bình | Số 428 đường Hòa Bình, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình | Công nghiệp | Sản xuất điện | **1.563** | A0, EVN |
| **13. Tỉnh Lai Châu** | | | | | | |
| 1 | Nhà máy Thủy điện Huội Quảng | Bản Nà Khiết, xã Mường Cang, huyện Than Uyên | Công nghiệp | Sản xuất điện | **1.251** | A0, EVN |
| 2 | Nhà máy Thủy điện Lai Châu | Nậm Hàng, Mường Tè | Công nghiệp | Sản xuất điện | **1.522** | A0, EVN |
| **III. BẮC BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG** | | | | | | |
| **1. Tỉnh Thanh Hóa** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH SX kinh doanh TM Minh Hà | Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia | Vận tải | Giao thông vận tải | **1.113** | PVN |
| 2 | Công ty CP XD Đầu tư phát triển đô thị | Sô 25 Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Khai thác cát, đá, sỏi | **1.167** | EVN |
| 3 | CN Công ty CP Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Lam Sơn | KCN Lễ Môn, phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Chế biến thực phẩm | **1.193** | EVN |
| 4 | Công ty TNHH Giầy - ARESA Việt Nam | Lô D, KCN Lễ Môn, phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Thuộc, sơ chế da, giầy dép | **1.070** | EVN |
| 5 | Tổ hợp nhà thầu JGCS | Tầng 2 KS Lam Kinh, khu đô thị Đông Hương, xã Đông Hương, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Xây dựng | **8.628** | EVN |
| 6 | Công ty TNHH Giầy VENUS Việt Nam | Cụm CN Làng nghề, xã Hà Bình, Hà Trung | Công nghiệp | Thuộc, sơ chế da, giầy dép | **1.714** | EVN |
| 7 | Công ty Xi măng Long Sơn | Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **100.295** | SCT |
| 8 | Công ty CP Mía đường Nông Cống | Xã Thăng Long, huyện Nông Cống | Công nghiệp | Sản xuất đường | **1.317** | SCT |
| 9 | Công ty TNHH Giầy ALENA Việt Nam | Xã Định Liên, huyện Yên Định | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **1.091** | EVN |
| 10 | Công ty TNHH Giầy Roll Sport Việt Nam | KCN Hoàng Long, phường Tào Xuyên, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **7.454** | SCT |
| 11 | Công ty Xi măng Bỉm Sơn | Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **341.165** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Công ty CP Xi măng Nghi Sơn | Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **393.167** | SCT |
| 13 | Công ty CP Xi măng Công Thanh | Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **193.738** | SCT |
| 14 | Nhà máy Gạch men Vicenza | KCN Lễ Môn, xã Quảng Hưng, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **3.774** | EVN |
| 15 | Xí nghiệp VLXD Hùng Cường | Xã Định Công, huyện Yên Định | Công nghiệp | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | **1.344** | SCT |
| 16 | Công ty TNHH MTV Khai thác CT Thủy lợi Bắc Sông Mã | Xã Hoằng Trung, huyện Tĩnh Gia | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | **1.219** | SCT |
| 17 | Công ty TNHH MTV Khai thác CT Thủy lợi Nam Sông Mã | Xã Yên Phong, huyện Yên Định | Nông nghiệp | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | **1.528** | SCT |
| 18 | Công ty TNHH Mía đường Việt Nam - Đài Loan | Xã Thành Vân, huyện Thạch Thành | Công nghiệp | Sản xuất đường | **2.465** | SCT |
| 19 | Công ty CP Mía đường Lam Sơn | Khu 6, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân | Công nghiệp | Sản xuất đường | **8.687** | SCT |
| 20 | Công ty TNHH Giày HONGFU Việt Nam | KCN và ĐT Hoàng Long, phường Tào Xuyên, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **4.513** | SCT |
| 21 | Công ty TNHH Giày SUNJADE Việt Nam | Lô B, KCN Lễ Môn, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **1.810** | EVN |
| 22 | Công ty TNHH Giày ANNORA Việt Nam | Xã Xuân Lâm, Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **5.558** | SCT |
| 23 | TTTM BIG C Thanh Hóa - Chi nhánh Công ty CP BĐS Việt Nhật tại Thanh Hóa | Xã Đông Hải, TP Thanh Hóa | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | **780** | SCT |
| 24 | Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác 11 | Phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất các cấu kiện kim loại | **1.157** | SCT |
| 25 | Công ty TNHH Giày Aleron Việt Nam | KCN Hoàng Long, phường Tào Xuyên, TP Thanh Hóa | Công nghiệp | Sản xuất giày dép | **3.301** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa | Phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa | Vận tải | Vận chuyển hành khách bằng taxi | **1.470** | SCT |
| 27 | Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1 | Km 11, đường 513, xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia | Công nghiệp | Sản xuất điện | **47.268** | EVN, A0 |
| 28 | Cơ sở Vũ Xuân Việt | Thôn Tây Sơn, xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia | Công trình xây dựng | Thành thị | **4.444** | EVN |
| | | **2. Tỉnh Nghệ An** | | | | |
| 1 | CN Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu Máy Vinh | Đường Đinh Văn Chất, xã Hưng Đông, TP Vinh | Công nghiệp | Khai thác vận tải | **9.640** | PVN |
| 2 | Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam | Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng nguyên | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống | **1.805** | EVN |
| 3 | Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh | Số 54, đường Phan Đăng Lưu, Tp Vinh | Công nghiệp | SX bia | **1.194** | SCT |
| 4 | Công ty TNHH Điện tử BSE Việt Nam | Khu CN Nam Cấm | Công nghiệp | Điện tử | **1.115** | SCT |
| 5 | Công ty CP Bột đá vôi trắng aiêu mịn NA | Khu CN Nam Cấm, huyện Nghi Lộc | Công nghiệp | SX bột đá | **1.174** | SCT |
| 6 | Công ty CP Nhựa Châu Âu | Khu CN Nam Cấm, thị xã Cửa Lò | Công nghiệp | SX nhựa | **1.118** | SCT |
| 7 | Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An | Lô CN 1-8 KCN Đông Hồi, Quỳnh Lập, Hoàng Mai | Công nghiệp | SX tôn | **4.648** | SCT |
| 8 | Công ty CP Xi măng Sông Lam 2 | Hội Sơn, huyện Anh Sơn | Công nghiệp | SX xi măng | **10.903** | SCT |
| 9 | Công ty CP Xi măng Sông Lam | Xóm Mới, Nghi Thiết, Nghi Lộc | Công nghiệp | SX xi măng | **5.149** | SCT |
| 10 | Công ty TNHH MTV Masan MB | Khu B, KCN Nam Cấm, KKT Đông Nam | Công nghiệp | SX thực phẩm | **1.151** | SCT |
| 11 | Công ty TNHH Chế biến Nông sản Hoa Sơn | Số 27 Nguyễn Nghiệm, Quang Trung, TP Vinh | Công nghiệp | Chế biến nông sản | **1.042** | SCT |
| 12 | Khách sạn Mường Thanh Sông Lam | Số 13, Quang Trung, TP Vinh | Công trình xây dựng | Khách sạn | **549** | SCT |
| 13 | Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An | Km 5, đường Lê Nin, TP Vinh | Công trình xây dựng | Khám chữa bệnh | **799** | SCT |
| 14 | Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan | Số 33 Nguyễn Văn Trỗi, TP Vinh | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **7.646** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai | Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **20.794** | SCT |
| 16 | Công ty Bia Sài Gòn - Sông Lam | Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **1.804** | SCT |
| 17 | Công ty CP Ván nhân tạo Tân Việt Trung | Lô số 8, Bắc khu C, khu Kinh tế Đông Nam, huyện Nghi Lộc | Công nghiệp | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác | **1.603** | SCT |
| 18 | Công ty CP Thực phẩm sữa T.H | Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Đàn | Công nghiệp | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa | **9.051** | SCT |
| **3. Tỉnh Hà Tĩnh** | | | | | | |
| 1 | Công ty CP Nhựa, bao bì Vinh - cơ sở 2 | Khu CN Gia Lách, thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân | Công nghiệp | Công nghiệp (sản xuất bao bì) | **1.156** | SCT |
| 2 | Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn | Phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh | Vận tải | Vận tải | **1.666** | SCT |
| 3 | Công ty CP Vinatex - Hồng Lĩnh | Cụm CN - Tiểu thủ CN Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.709** | SCT |
| 4 | Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh | Khu KT Vũng Áng, xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh | Công nghiệp | Sản xuất sắt, gang, thép | **479.775** | SCT |
| 5 | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh | Xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **3.458** | EVN |
| 6 | Công ty TNHH TM&DV Vận tải Viết Hải | Xã Thạch Trung, TP Hà Tĩnh | Vận tải | Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh | **2.286** | EVN |
| 7 | Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng | Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh | Công nghiệp | Sản xuất điện | **50.174** | EVN, A0 |
| **4. Tỉnh Quảng Bình** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Xi măng Sông Gianh | Xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **140.000** | SCT trình 2014 |
| 2 | Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Việt Nam | Thôn Xuân Hạ, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **120.000** | SCT trình 2015 |
| 3 | Nhà máy Xi măng Vạn Ninh (Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân) | Xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **51.000** | SCT |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Công ty CP Cosevco 6 (Nhà máy Xi măng Áng Sơn) | 02 Huyền Trân Công Chúa, TP Đồng Hới | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **1.000** | EVN |
| 5 | Công ty CP Gốm sứ & Xây dựng Cosevco | Xã Lộc Ninh, TP Đông Hới | Công nghiệp | Sản xuất vật liêu xây dựng từ đất sét | **2.000** | SCT |
| 6 | Công ty CP Khoáng sản Hoàng Long | Xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy | Công nghiệp | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu | **2.000** | SCT |
| 7 | Cơ sở Võ Văn Thuấn | Tú Loan, Quảng Hưng | Nông nghiệp | Nông thôn, miền núi,... | **2.944** | EVN |
| 8 | Cơ sở Bùi Văn Sơn | Tú Loan, Quảng Hưng | Công nghiệp | Chế biến thực phẩm | **6.589** | EVN |
| 9 | Cơ sở Bùi Xuân Tri | Chòm 6 Tú Loan, Quảng Hưng | Công nghiệp | Chế biến thực phẩm | **4.609** | EVN |
| **5. Tỉnh Thừa Thiên Huế** | | | | | | |
| 1 | Chi nhánh Tập đoàn Dệt may VN - Nhà máy sợi Phú Hưng | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.265** | SCT |
| 2 | Công ty CP Chăn Nuôi CPVN - CN Đông Lạnh Thừa Thiên Huế | Lô A1 đến A12, Khu A, KCN Phong Điền, huyện Phong Điền | Nông nghiệp | Nuôi tôm | **1.372** | EVN |
| 3 | Công ty CP Đầu tư Dệt may Thiên An Thịnh | Lô C-2-4 KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | SX sợi, dệt | **1.898** | EVN |
| 4 | Công ty CP Dệt may Huế | 122 Dương Triệu Tước, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **3.613** | SCT |
| 5 | Công ty CP Espace Business Huế | Khu Quy Hoạch Bà Triệu, Hùng Vương, phường Phú Hội, TP Huế | Công trình xây dựng | Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại | **682** | SCT |
| 6 | Công ty CP Sợi Phú An | Lô B, 7, Khu CN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.881** | EVN |
| 7 | Công ty CP Sợi Phú Anh | Lô B, 5 Khu CN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.884** | EVN |
| 8 | Công ty CP Sợi Phú Bài | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **5.954** | SCT, EVN |
| 9 | Công ty CP Sợi Phú Bài 2 | Lô B-5-4, Khu CN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.040** | EVN |
| 10 | Công ty CP Sợi Phú Mai | Lô D, Khu CN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.791** | EVN |

| TT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Lĩnh vực | Ngành nghề | Tiêu thụ năng lượng quy đổi (TOE) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Công ty CP Sợi Phú Nam | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.447** | EVN |
| 12 | Công ty CP Sợi Phú Thạnh | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **2.884** | EVN |
| 13 | Công ty CP Sợi Phú Việt | KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.847** | EVN |
| 14 | Công ty CP Xi măng Đồng Lâm | Thôn Cố Xuân, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền | Công nghiệp | Sản xuất xi măng, clinker | **9.557** | SCT |
| 15 | Công ty TNHH Xi măng Luks (Việt Nam) | Phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà | Công nghiệp | SX than cốc, SP dầu mỏ | **10.132** | EVN |
| 16 | Công ty TNHH Baosteel Can Making (Huế Việt Nam) | Lô B-13, KCN Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất đồ uống | **1.315** | EVN |
| 17 | Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam | Lô B8, KCN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia | **2.209** | EVN |
| 18 | Công ty TNHH Đại An | 14 Thống nhất, Tứ Hạ, Hương Trà | Công nghiệp | Hộ Công nghiệp | **1.492** | PVN |
| 19 | Công ty TNHH Dệt kim và may mặc Huế Việt Nam | Lô DH, 5, KCN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | Sản xuất sợi | **1.739** | EVN |
| 20 | Công ty TNHH Hanesbrands Việt Nam Huế | Lô C2-6 và C2-7, Khu CN Phú Bài, thị xã Hương Thủy | Công nghiệp | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | **1.073** | EVN |
| 21 | Công ty TNHH LAGUNA Việt Nam | Thôn Cù Dù, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc | Công trình xây dựng | Khách sạn | **2.339** | EVN |
| 22 | Công ty TNHH Luks Cement Huế | Phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà | Công nghiệp | Sản xuất xi măng | **10.132** | EVN |
| 23 | Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế | 103 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, TP Huế | Công nghiệp | Sản xuất nước sạch | **1.082** | SCT |
| 24 | Công ty CP Chăn nuôi CPVN - CN đông lạnh Thừa Thiên Huế | Lô A1 đến A12, Khu A, KCN Phong Điền, huyện Phong Điền | Nông nghiệp | Nuôi tôm | **1.372** | EVN |
| 25 | Cơ sở Đặng Duy Hà | Thôn Thuận Hòa B, xã Hương Phong | Công trình xây dựng | Thành thị | **1.089** | EVN |

(Xem tiếp Công báo số 681 + 682)

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

| | |
|---|---|
| Địa chỉ: | Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội |
| Điện thoại liên hệ: | |
| - Nội dung: | 080.44417 |
| - Phát hành: | 080.48543 |
| Email: | congbao@chinhphu.vn |
| Website: | http://congbao.chinhphu.vn |
| In tại: | Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng |

Giá: 10.000 đồng